

Số:135 /2026/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 59/2026/NQ-HĐND
ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủ đô số 02/2026/QH16;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15;

Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 59/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định chính sách thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 8482/TTr-SKHCHN ngày 02 tháng 10 năm 2026 về việc ban hành Quyết định quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 59/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội;

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quyết định quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 59/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chi tiết và biện pháp tổ chức thi hành các cơ chế, chính sách quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Nghị quyết số 59/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định chính sách thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trên địa bàn thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 59/2026/NQ-HĐND).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ủy ban nhân dân Thành phố, các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân xã, phường; cơ quan, đơn vị quản lý nguồn lực, vận hành hệ thống hoặc thực hiện nhiệm vụ liên quan đến các chính sách quy định tại Điều 1 Quyết định này.

2. Các đối tượng thụ hưởng chính sách quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Nghị quyết số 59/2026/NQ-HĐND.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, thực hiện, thanh toán, kiểm tra, giám sát, hậu kiểm và đánh giá kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ theo Quyết định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Hệ thống cấp phiếu hỗ trợ (sau đây gọi là Hệ thống)* là hệ thống thông tin hoặc hợp phần chức năng để thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến phiếu hỗ trợ, gồm: tiếp nhận, xử lý các hồ sơ đề nghị và công bố, cập nhật Danh mục hỗ trợ; tiếp nhận đăng ký, cấp, sử dụng và quản lý phiếu hỗ trợ; xác lập, cập nhật và quản lý giao dịch hỗ trợ; xác nhận, đối soát, thanh toán, hoàn trả, thu hồi kinh phí; kiểm tra, giám sát, hậu kiểm, đánh giá kết quả và quản lý dữ liệu liên quan đến phiếu hỗ trợ theo Quyết định này. Hệ thống là kênh thực hiện chính sách hỗ trợ, không phải sàn thương mại điện tử. Hệ thống được xây dựng, tích hợp với Nền tảng Công dân Thủ đô số iHanoi; có thể kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia và các hệ thống thông tin, nền tảng, cơ sở dữ liệu có liên quan.

2. *Danh mục sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ (sau đây gọi là Danh mục hỗ trợ)* là tên gọi chung của danh mục sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ chuyển đổi số; danh mục sản phẩm, dịch vụ phát triển thương mại điện tử; và danh mục sản phẩm, dịch vụ phát triển xã hội số.

Danh mục hỗ trợ có thể bao gồm sản phẩm, dịch vụ độc lập hoặc gói sản phẩm, dịch vụ. Gói sản phẩm, dịch vụ là tập hợp từ hai sản phẩm, dịch vụ độc lập trở lên, được công bố để đối tượng thụ hưởng lựa chọn. Các quy định đối với sản phẩm, dịch vụ tại Quyết định này được áp dụng tương ứng đối với gói sản phẩm, dịch vụ. Các nội dung áp dụng chung đối với cả gói hoặc riêng đối với từng sản phẩm, dịch vụ thành phần được xác định và công bố trong Danh mục hỗ trợ.

3. *Phiên bản Danh mục hỗ trợ* là tập hợp thông tin về sản phẩm, dịch vụ thuộc một Danh mục hỗ trợ, có hiệu lực tại thời điểm xác định, được gán mã và lưu trữ trên Hệ thống để làm căn cứ cấp, sử dụng, quản lý phiếu hỗ trợ.

4. *Đối tượng thụ hưởng* là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh, cá nhân đã được cấp phiếu hỗ trợ theo Quyết định này.

5. *Nhà cung cấp* là tổ chức có quyền sở hữu, quyền phân phối hoặc quyền cung cấp hợp pháp đối với sản phẩm, dịch vụ và đăng ký tham gia cơ chế phiếu hỗ trợ. Nhà cung cấp chỉ được thực hiện giao dịch hỗ trợ đối với sản phẩm, dịch vụ đã được đưa vào Danh mục hỗ trợ và đang trong trạng thái được áp dụng.

6. *Đợt hỗ trợ* là việc tổ chức thực hiện cơ chế phiếu hỗ trợ trong khoảng thời gian xác định, căn cứ mục tiêu, đối tượng, Danh mục hỗ trợ, tổng kinh phí được bảo đảm, mức hỗ trợ và các nội dung khác được công bố cho đợt đó.

7. *Giao dịch hỗ trợ* là hợp đồng hoặc hình thức giao dịch điện tử hợp pháp được xác lập giữa đối tượng thụ hưởng và nhà cung cấp, trong đó phiếu hỗ trợ được sử dụng làm căn cứ xác định phần chi phí được hỗ trợ đối với việc mua, thuê hoặc sử dụng sản phẩm, dịch vụ thuộc Danh mục hỗ trợ. Việc ghi nhận giao dịch trên Hệ thống chỉ phục vụ quản lý chính sách, không làm thay đổi quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên.

8. *Xác nhận khả năng cung cấp* là xác nhận điện tử của nhà cung cấp trên Hệ thống về việc có khả năng và chấp nhận cung cấp sản phẩm, dịch vụ do đối tượng thụ hưởng lựa chọn và đề nghị xác nhận.

9. *Xác nhận sử dụng sản phẩm, dịch vụ* là xác nhận điện tử của đối tượng thụ hưởng trên Hệ thống về sản phẩm, dịch vụ hoặc phần sản phẩm, dịch vụ đã được tiếp nhận, bàn giao, cài đặt, kích hoạt, sử dụng hoặc cung cấp tương ứng với tính chất và kỳ thanh toán khoản hỗ trợ được công bố trong Danh mục hỗ trợ. Xác nhận này làm căn cứ xem xét thanh toán khoản hỗ trợ tương ứng; không thay thế việc nghiệm thu theo pháp luật chuyên ngành hoặc theo giao dịch đã xác lập, nếu có, và không làm mất quyền yêu cầu bảo hành, bảo trì, khắc phục, hoàn tiền, bồi thường hoặc giải quyết tranh chấp.

10. *Mức hỗ trợ tối đa* là tỷ lệ phần trăm hỗ trợ trên chi phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ và không cao hơn mức trần về tỷ lệ phần trăm được quy định tại Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 59/2026/NQ-HĐND. Mức hỗ trợ tối đa có thể được xác định khác nhau theo nhóm đối tượng, loại phiếu, sản phẩm, dịch vụ và được công bố cho từng đợt hỗ trợ.

11. *Mức trần hỗ trợ của phiếu* là tổng số tiền hỗ trợ cao nhất có thể được ghi nhận trên một phiếu hỗ trợ, được xác định theo nhóm đối tượng, loại phiếu và đợt hỗ trợ.

12. *Hạn mức hỗ trợ* là số tiền hỗ trợ được ghi nhận trên một phiếu hỗ trợ cụ thể đối với sản phẩm, dịch vụ do đối tượng thụ hưởng lựa chọn, được xác định trên cơ sở giá sản phẩm, dịch vụ công bố trong Danh mục hỗ trợ và mức hỗ trợ tối đa tương ứng. Trường hợp phiếu hỗ trợ có nhiều sản phẩm, dịch vụ, hạn mức hỗ trợ của phiếu là tổng số tiền hỗ trợ được xác định đối với từng sản phẩm, dịch vụ và không vượt quá mức trần hỗ trợ của phiếu. Hạn mức hỗ trợ được tạm giữ trong phạm vi tổng kinh phí đã được bảo đảm của đợt hỗ trợ, không phải là khoản kinh phí được cấp trước và chỉ được thanh toán đối với chi phí thực tế đáp ứng đầy đủ điều kiện theo Quyết định này.

13. *Hạn mức còn lại* là phần hạn mức hỗ trợ chưa được thanh toán, xác nhận đủ điều kiện thanh toán, hủy hoặc giải phóng tại thời điểm xác định.

Chương II

HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA, HỢP TÁC XÃ, HỢP KINH DOANH CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Điều 4. Nguyên tắc, điều kiện đối với sản phẩm, dịch vụ và nhà cung cấp tham gia Danh mục hỗ trợ

Danh mục hỗ trợ quy định tại Chương này bao gồm danh mục sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ chuyển đổi số và danh mục sản phẩm, dịch vụ phát triển thương mại điện tử.

1. Việc xem xét, đưa sản phẩm, dịch vụ vào Danh mục hỗ trợ phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

- a) Công khai, minh bạch, khách quan, bình đẳng;
- b) Lựa chọn theo công dụng, tính năng, mức độ phù hợp và khả năng đáp ứng nhu cầu thực tế của nhóm đối tượng được hưởng chính sách;
- c) Bảo đảm cạnh tranh về chất lượng, giá, điều kiện cung cấp, chế độ bảo hành, bảo trì và hỗ trợ kỹ thuật phù hợp với tính chất của sản phẩm, dịch vụ; không đặt ra yêu cầu nhằm tạo lợi thế bất hợp lý cho một nhà cung cấp, sản phẩm hoặc dịch vụ cụ thể;
- d) Thực hiện theo nguyên tắc tăng “hậu kiểm”, giảm “tiền kiểm”, tự động hóa.

2. Sản phẩm, dịch vụ được xem xét đưa vào Danh mục hỗ trợ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Thuộc phạm vi sản phẩm, dịch vụ quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 59/2026/NQ-HĐND;
- b) Được cung cấp và sử dụng hợp pháp tại Việt Nam; đáp ứng điều kiện kinh doanh và yêu cầu của pháp luật chuyên ngành, nếu có;
- c) Xác định rõ đối tượng sử dụng, phạm vi, phương thức, thời gian và điều kiện cung cấp, kết quả đầu ra và phương thức xác nhận, đối soát phù hợp với tính chất của sản phẩm, dịch vụ;
- d) Đang sẵn sàng cung cấp;
- đ) Giá đề nghị đưa vào Danh mục hỗ trợ phải là giá được công khai và có căn cứ xác định; là giá sau khi trừ các khoản giảm giá, chiết khấu, khuyến mại hoặc ưu đãi, nếu có, bao gồm thuế và chi phí bắt buộc để sử dụng đầy đủ sản phẩm, dịch vụ; không cao hơn giá áp dụng cho khách hàng có điều kiện giao dịch tương đương tại cùng thời điểm. Hệ thống có thể hiển thị thêm giá gốc để đối tượng thụ hưởng tham khảo thông tin;
- e) Đáp ứng yêu cầu của pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân tương ứng với tính năng, phạm vi cung cấp và hoạt động tiếp cận, xử lý dữ liệu, hệ thống thông tin, nếu có; không có lỗi

hồng hoặc sự cố nghiêm trọng liên quan trực tiếp đến sản phẩm, dịch vụ đã được nhà cung cấp phát hiện hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền cảnh báo mà chưa được khắc phục hoặc áp dụng biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp;

g) Có khả năng cập nhật, cung cấp hoặc chia sẻ với Hệ thống các thông tin, dữ liệu, tài liệu điện tử cần thiết để phục vụ việc quản lý và sử dụng phiếu hỗ trợ.

3. Nhà cung cấp có sản phẩm, dịch vụ được xem xét đưa vào Danh mục hỗ trợ phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Được thành lập, đăng ký và đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; đáp ứng điều kiện kinh doanh, giấy phép, chứng nhận hoặc yêu cầu chuyên ngành đối với nhà cung cấp, nếu pháp luật có quy định;

b) Có quyền sở hữu, quyền phân phối, quyền thương mại hóa hoặc quyền cung cấp hợp pháp đối với sản phẩm, dịch vụ theo quy định của pháp luật;

c) Có nhân lực, năng lực chuyên môn, hạ tầng kỹ thuật và quy trình cung cấp phù hợp với tính chất, quy mô và phạm vi của sản phẩm, dịch vụ; có khả năng thực hiện việc hướng dẫn sử dụng, đào tạo, bảo hành, bảo trì, hỗ trợ kỹ thuật, tiếp nhận và xử lý phản ánh, khiếu nại trong phạm vi áp dụng đối với sản phẩm, dịch vụ;

d) Cam kết cập nhật, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, dữ liệu, tài liệu điện tử theo phương thức xác nhận, đối soát của sản phẩm, dịch vụ được công bố trong Danh mục hỗ trợ để phục vụ quản lý và sử dụng phiếu hỗ trợ;

đ) Cam kết không mua bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn hoặc thực hiện giao dịch trái phép đối với phiếu hỗ trợ; không thông đồng, kê khai khống hoặc thực hiện hành vi khác nhằm trục lợi chính sách.

4. Trong quá trình xét chọn được xem xét ưu tiên sản phẩm, dịch vụ do doanh nghiệp Việt Nam tự xây dựng, phát triển hoặc làm chủ công nghệ; sử dụng tiêu chuẩn mở, có khả năng kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu; sử dụng công nghệ xanh, tiết kiệm năng lượng; có đóng góp nguồn lực xã hội hóa, giảm giá hoặc cung cấp thêm quyền lợi cho đối tượng thụ hưởng; đã đạt các giải thưởng, chứng nhận uy tín. Việc ưu tiên chỉ được áp dụng sau khi sản phẩm, dịch vụ và nhà cung cấp đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

5. Việc đưa sản phẩm, dịch vụ vào Danh mục hỗ trợ không phải là chứng nhận hoặc bảo đảm của Thành phố về chất lượng, hiệu quả, tính pháp lý của sản phẩm, dịch vụ. Nhà cung cấp chịu trách nhiệm toàn diện về chất lượng, hiệu quả, tính pháp lý của sản phẩm, dịch vụ và việc thực hiện các nghĩa vụ đã công bố.

6. Sở Khoa học và Công nghệ có thể xây dựng cơ chế chấm điểm, xếp hạng để lựa chọn trong trường hợp có nhiều sản phẩm, dịch vụ, nhà cung cấp cùng đáp ứng các điều kiện đưa vào Danh mục hỗ trợ, bảo đảm việc lựa chọn được thực hiện công khai, minh bạch, khách quan, công bằng và có khả năng kiểm chứng, gắn với mục tiêu hỗ trợ và hiệu quả sử dụng nguồn lực ngân sách nhà nước.

Điều 5. Hồ sơ, trình tự thẩm định và công bố Danh mục hỗ trợ

1. Nhà cung cấp nộp một bộ hồ sơ đề nghị đưa sản phẩm, dịch vụ vào Danh mục hỗ trợ trên Hệ thống tích hợp tại nền tảng Công dân Thủ đô số iHanoi hoặc Cổng Dịch vụ công Quốc gia. Hồ sơ đề nghị gồm:

- a) Đơn đăng ký theo Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này;
- b) Bản thuyết minh về sản phẩm, dịch vụ và tài liệu chứng minh việc đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định này;
- c) Bản thuyết minh về nhà cung cấp và tài liệu chứng minh việc đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định này.

Nhà cung cấp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, hợp pháp, còn hiệu lực của thông tin, tài liệu, dữ liệu trong hồ sơ đề nghị.

2. Việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị và công bố Danh mục hỗ trợ được thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ có thông báo xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ có thông báo yêu cầu tổ chức, doanh nghiệp bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Sở Khoa học và Công nghệ có thông báo yêu cầu bổ sung thành phần hồ sơ nhưng tổ chức, doanh nghiệp không gửi bổ sung đầy đủ thành phần hồ sơ theo yêu cầu thì Sở Khoa học và Công nghệ có thông báo trả lại hồ sơ;

c) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan hoàn thành việc thẩm định (bao gồm cả việc kiểm tra thực tế nếu cần thiết);

d) Sở Khoa học và Công nghệ được tự thẩm định hoặc thành lập Hội đồng tư vấn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định tại Nghị quyết số 24/2026/NQ-HĐND để thẩm định;

đ) Trường hợp hồ sơ cần được giải trình, làm rõ, Sở Khoa học và Công nghệ có thông báo yêu cầu tổ chức, doanh nghiệp giải trình, làm rõ hồ sơ. Sau 03 ngày làm việc, nếu tổ chức, doanh nghiệp không có văn bản giải trình, làm rõ theo yêu cầu thì Sở Khoa học và Công nghệ có thông báo trả lại hồ sơ;

e) Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ quyết định đưa sản phẩm, dịch vụ đáp ứng đầy đủ điều kiện vào Danh mục hỗ trợ; đồng thời cập nhật thông tin, tạm ngừng áp dụng hoặc đưa sản phẩm, dịch vụ ra khỏi Danh mục hỗ trợ theo quy định tại Quyết định này. Sau khi hoàn thành thẩm định, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành quyết định đưa sản phẩm, dịch vụ vào Danh mục hỗ trợ theo Mẫu số 07 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này; trường hợp không đưa vào Danh mục hỗ trợ, phải thông báo cho tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ và nêu rõ lý do. Trong trường hợp thẩm định nhiều hồ sơ đề nghị cùng một thời điểm, không bắt buộc ban hành Quyết định riêng đối với từng sản phẩm,

dịch vụ, có thể ban hành Quyết định chung hoặc tích hợp vào việc công bố, cập nhật, công khai Danh mục hỗ trợ theo khoản 3 Điều này.

3. Danh mục hỗ trợ được công bố, công khai trên Hệ thống. Hệ thống là nguồn thông tin chính thức, còn hiệu lực của Danh mục hỗ trợ. Thông tin công khai đối với từng sản phẩm, dịch vụ, bao gồm:

- a) Mã, tên, thông tin giới thiệu về sản phẩm, dịch vụ;
- b) Thông tin nhà cung cấp;
- c) Đối tượng sử dụng;
- d) Giá và phương thức tính giá; các ưu đãi, khuyến mại, quà tặng, nếu có;
- đ) Mức hỗ trợ tối đa;
- e) Phương thức cung cấp sản phẩm, dịch vụ; hình thức xác lập giao dịch hỗ trợ; kết quả đầu ra dự kiến, phương thức và nội dung xác nhận sử dụng sản phẩm, dịch vụ; kỳ thanh toán khoản hỗ trợ; thời gian duy trì sử dụng tối thiểu, nếu có;
- g) Chế độ đào tạo, hướng dẫn, bảo hành, bảo trì, hỗ trợ kỹ thuật, nếu có;
- h) Tiêu chuẩn, chứng nhận hoặc kết quả đánh giá có liên quan, nếu có;
- i) Các thông tin, dữ liệu, tài liệu nhà cung cấp và đối tượng thụ hưởng phải cập nhật, cung cấp, chia sẻ phục vụ quản lý, sử dụng phiếu hỗ trợ đối với sản phẩm, dịch vụ;
- k) Trạng thái áp dụng;
- l) Các thông tin cần thiết khác, nếu có.

4. Việc tiếp nhận, thẩm định, quyết định đưa sản phẩm, dịch vụ vào Danh mục hỗ trợ được thực hiện thường xuyên hoặc theo từng đợt do Sở Khoa học và Công nghệ thông báo căn cứ vào nhu cầu và yêu cầu quản lý.

Điều 6. Cập nhật thông tin trong Danh mục hỗ trợ

1. Nhà cung cấp có trách nhiệm thông báo bằng văn bản và đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ cập nhật khi có thay đổi đối với thông tin đã được công bố trong Danh mục hỗ trợ. Đối với thay đổi do nhà cung cấp chủ động thực hiện, việc thông báo phải được thực hiện trước khi áp dụng; đối với thay đổi phát sinh do nguyên nhân khách quan, việc thông báo phải được thực hiện trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhà cung cấp biết hoặc buộc phải biết về thay đổi đó.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện cập nhật, công khai trên Hệ thống trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của nhà cung cấp. Nhà cung cấp cam kết, chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của thông tin cập nhật và việc tiếp tục đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4 Quyết định này.

3. Sở Khoa học và Công nghệ tự thẩm định hoặc thành lập hội đồng để thẩm định lại trước khi cập nhật thông tin trên Danh mục hỗ trợ trong trường hợp nhà cung cấp đề nghị một trong các trường hợp sau đây:

- a) Thay đổi sản phẩm, dịch vụ khác;
- b) Thay đổi nhà cung cấp khác;
- c) Thay đổi các nội dung khác ảnh hưởng rõ ràng đến việc tiếp tục đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4 Quyết định này.

4. Quy trình thẩm định lại được áp dụng tương ứng theo quy trình quy định tại khoản 2 Điều 5 Quyết định này.

5. Thông tin cập nhật có hiệu lực kể từ ngày được công khai trên Hệ thống và không đương nhiên làm thay đổi phiếu hỗ trợ hoặc giao dịch đã xác lập trước ngày thông tin cập nhật có hiệu lực. Việc điều chỉnh giao dịch đã xác lập phải được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận giữa nhà cung cấp và đối tượng thụ hưởng. Trong mọi trường hợp, hạn mức hỗ trợ của phiếu không được điều chỉnh tăng.

Điều 7. Tạm ngừng áp dụng, khôi phục trạng thái và đưa ra khỏi Danh mục hỗ trợ

1. Việc tạm ngừng áp dụng sản phẩm, dịch vụ để cấp phiếu hỗ trợ là biện pháp quản lý tạm thời nhằm phòng ngừa rủi ro và xác minh thông tin phục vụ việc thực hiện chính sách theo Quyết định này; không phải là kết luận sản phẩm, dịch vụ hoặc nhà cung cấp có vi phạm. Phạm vi, thời gian áp dụng phải phù hợp với tính chất, mức độ rủi ro và nội dung cần xác minh.

2. Sản phẩm, dịch vụ bị tạm ngừng áp dụng để cấp phiếu hỗ trợ nhằm xác minh khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Có thông tin, tài liệu, cảnh báo hoặc phản ánh kèm theo căn cứ cho thấy sản phẩm, dịch vụ hoặc nhà cung cấp có khả năng không còn đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều 4 Quyết định này;

b) Theo đề nghị bằng văn bản của nhà cung cấp hoặc yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Sản phẩm, dịch vụ bị đưa ra khỏi Danh mục hỗ trợ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Kết quả xác minh xác định sản phẩm, dịch vụ hoặc nhà cung cấp không đáp ứng hoặc không còn đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều 4 Quyết định này;

b) Nhà cung cấp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ yêu cầu khắc phục trong thời hạn được thông báo;

c) Theo đề nghị bằng văn bản của nhà cung cấp hoặc yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Trình tự tạm ngừng áp dụng, xác minh, khắc phục và xử lý được thực hiện như sau:

a) Sở Khoa học và Công nghệ quyết định tạm ngừng áp dụng và cập nhật trạng thái tương ứng trên Hệ thống. Quyết định tạm ngừng phải xác định rõ sản phẩm, dịch vụ hoặc phạm vi sản phẩm, dịch vụ bị tạm ngừng; lý do, thời điểm có

hiệu lực, nội dung cần xác minh và việc có hoặc không tạm dừng thanh toán khoản hỗ trợ đối với giao dịch có liên quan. Thông báo về việc tạm ngừng áp dụng được gửi trên Hệ thống cho nhà cung cấp và đối tượng thụ hưởng có liên quan;

b) Nhà cung cấp có trách nhiệm giải trình, cung cấp thông tin, tài liệu cho Sở Khoa học và Công nghệ trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Hệ thống gửi thông báo;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được nội dung giải trình hoặc kể từ ngày hết thời hạn giải trình, Sở Khoa học và Công nghệ hoàn thành việc xác minh. Trường hợp cần kiểm tra thực tế hoặc lấy ý kiến cơ quan có liên quan, thời hạn xác minh được gia hạn một lần nhưng không quá 10 ngày làm việc và phải thông báo bằng văn bản cho nhà cung cấp về lý do, thời gian gia hạn;

d) Trường hợp nhà cung cấp không giải trình đúng thời hạn, Sở Khoa học và Công nghệ quyết định trên cơ sở thông tin, tài liệu hiện có. Trường hợp nội dung vi phạm hoặc thiếu sót có thể khắc phục, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản yêu cầu nhà cung cấp khắc phục trong thời hạn phù hợp nhưng không quá 30 ngày; trạng thái tạm ngừng áp dụng được duy trì trong thời gian khắc phục;

đ) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc xác minh hoặc kết thúc thời hạn khắc phục, Sở Khoa học và Công nghệ quyết định khôi phục trạng thái hoặc đưa sản phẩm, dịch vụ ra khỏi Danh mục hỗ trợ và thông báo trên Hệ thống rõ lý do cho nhà cung cấp, đối tượng thụ hưởng có liên quan;

e) Trường hợp tạm ngừng áp dụng hoặc đưa ra khỏi Danh mục hỗ trợ theo đề nghị của nhà cung cấp hoặc yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì không phải thực hiện việc xác minh, trừ trường hợp cần xác định trách nhiệm hoặc xử lý phiếu hỗ trợ, giao dịch đã phát sinh.

5. Các giao dịch có liên quan được xem xét xử lý như sau:

a) Kể từ thời điểm tạm ngừng áp dụng, sản phẩm, dịch vụ không được lựa chọn để cấp phiếu hỗ trợ, thay thế sản phẩm, dịch vụ trên phiếu hoặc xác lập giao dịch hỗ trợ mới. Đối với sản phẩm, dịch vụ đã ghi trên phiếu nhưng chưa xác lập giao dịch, đối tượng thụ hưởng được lựa chọn chờ khôi phục áp dụng trong thời hạn hiệu lực của phiếu hoặc đề nghị thay thế sản phẩm, dịch vụ theo khoản 3, khoản 4 Điều 11 Quyết định này;

b) Đối với giao dịch đã được xác lập hợp lệ trước thời điểm tạm ngừng, các bên tiếp tục thực hiện việc cung cấp, xác nhận kết quả sử dụng và thanh toán phần chi phí thuộc trách nhiệm của đối tượng thụ hưởng theo giao dịch đã xác lập; khoản hỗ trợ tiếp tục được xác định và xem xét thanh toán theo Quyết định này.

Phần sản phẩm, dịch vụ đã được xác nhận đủ điều kiện thanh toán trước thời điểm tạm ngừng tiếp tục được thanh toán khoản hỗ trợ nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trừ trường hợp có thông tin, tài liệu hoặc dữ liệu đối soát cho thấy phần đó có dấu hiệu không đáp ứng điều kiện thanh toán và cần được xác minh.

Trường hợp có thông tin, tài liệu hoặc dữ liệu đối soát cho thấy giao dịch hoặc một phần giao dịch có dấu hiệu không đáp ứng điều kiện thanh toán khoản hỗ

trợ, cơ quan có thẩm quyền quyết định tạm dừng thanh toán khoản hỗ trợ tương ứng với giao dịch, phần hoặc kỳ của giao dịch có dấu hiệu đó. Quyết định phải xác định rõ phạm vi khoản hỗ trợ bị tạm dừng thanh toán, lý do tạm dừng và nội dung cần xác minh.

Việc tạm dừng thanh toán khoản hỗ trợ không làm tạm dừng hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên theo giao dịch đã xác lập. Phần giao dịch có thể tách riêng và không thuộc phạm vi khoản hỗ trợ bị tạm dừng thanh toán vẫn được tiếp tục thực hiện, xác nhận và xem xét thanh toán khoản hỗ trợ nếu đáp ứng đầy đủ điều kiện.

Phần hạn mức hỗ trợ tương ứng với khoản hỗ trợ bị tạm dừng thanh toán được giữ trong tổng kinh phí đã phân bổ của đợt hỗ trợ cho đến khi có kết quả xử lý. Căn cứ kết quả xử lý, khoản hỗ trợ được tiếp tục xem xét thanh toán hoặc bị hủy và phần hạn mức tương ứng được giải phóng theo Quyết định này.

c) Khi sản phẩm, dịch vụ được khôi phục áp dụng, Hệ thống cập nhật trạng thái và tiếp tục cho phép lựa chọn sản phẩm, dịch vụ để cấp phiếu hỗ trợ, thay thế sản phẩm, dịch vụ trên phiếu, xác lập và thực hiện giao dịch hỗ trợ theo Quyết định này;

d) Kể từ thời điểm quyết định đưa sản phẩm, dịch vụ ra khỏi Danh mục hỗ trợ có hiệu lực, sản phẩm, dịch vụ không được lựa chọn để cấp phiếu hỗ trợ, thay thế sản phẩm, dịch vụ trên phiếu hoặc xác lập giao dịch hỗ trợ mới. Đối với sản phẩm, dịch vụ đã ghi trên phiếu nhưng chưa xác lập giao dịch, đối tượng thụ hưởng đề nghị hủy hoặc thay thế sản phẩm, dịch vụ theo khoản 3, khoản 4 Điều 11 Quyết định này. Đối với các giao dịch được xác lập hợp lệ trước thời điểm quyết định có hiệu lực, việc xử lý khoản hỗ trợ đối với giao dịch này được thực hiện như sau:

(1) Phần sản phẩm, dịch vụ đã được cung cấp và xác nhận đủ điều kiện thanh toán trước thời điểm quyết định có hiệu lực tiếp tục được thanh toán nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trừ trường hợp kết quả xác minh xác định phần đó không đáp ứng điều kiện thanh toán;

(2) Đối với giao dịch hỗ trợ đã được xác lập trước ngày quyết định đưa sản phẩm, dịch vụ ra khỏi danh mục có hiệu lực nhưng sản phẩm, dịch vụ chưa được cung cấp hoặc khoản hỗ trợ chưa được xác nhận đủ điều kiện thanh toán, phần hỗ trợ tương ứng chỉ được tiếp tục xem xét thanh toán nếu việc đưa sản phẩm, dịch vụ ra khỏi danh mục không xuất phát từ việc sản phẩm, dịch vụ hoặc nhà cung cấp không đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 4 Quyết định này tại thời điểm xác lập giao dịch và phần hỗ trợ đề nghị thanh toán đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 12 Quyết định này;

(3) Trường hợp sản phẩm, dịch vụ hoặc nhà cung cấp bị đưa ra khỏi Danh mục hỗ trợ do không đáp ứng hoặc không còn đáp ứng điều kiện, không thực hiện yêu cầu khắc phục hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, việc thanh toán khoản hỗ trợ đối với phần chưa được cung cấp hoặc chưa được xác nhận đủ điều kiện thanh toán bị tạm dừng. Căn cứ kết quả xác minh, khoản hỗ trợ

được tiếp tục xem xét thanh toán nếu vẫn đáp ứng đầy đủ điều kiện hoặc bị hủy và phần hạn mức tương ứng được giải phóng;

(4) Phần giao dịch có thể tách riêng, không chịu ảnh hưởng của căn cứ đưa sản phẩm, dịch vụ ra khỏi Danh mục hỗ trợ và đáp ứng đầy đủ điều kiện vẫn được tiếp tục xem xét thanh toán.

Phần hạn mức hỗ trợ tương ứng với khoản hỗ trợ bị tạm dừng thanh toán theo điểm này được giữ trong tổng kinh phí đã phân bổ của đợt hỗ trợ cho đến khi có kết quả xử lý. Quyết định đưa sản phẩm, dịch vụ ra khỏi Danh mục hỗ trợ phải xác định rõ giao dịch, phần, lần hoặc kỳ thanh toán bị tạm dừng; căn cứ, lý do tạm dừng và phương thức xử lý phần hạn mức có liên quan.

6. Việc tạm ngừng áp dụng hoặc đưa sản phẩm, dịch vụ ra khỏi Danh mục hỗ trợ không đương nhiên làm chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự đã phát sinh giữa nhà cung cấp và đối tượng thụ hưởng. Việc tiếp tục thực hiện, sửa đổi, chấm dứt và xử lý hậu quả của hợp đồng, đơn hàng hoặc giao dịch được thực hiện theo thỏa thuận của các bên và quy định của pháp luật.

7. Trên cơ sở quyết định của Sở Khoa học và Công nghệ, Hệ thống cập nhật trạng thái tạm ngừng áp dụng, khôi phục áp dụng hoặc đưa ra khỏi Danh mục hỗ trợ theo mã sản phẩm, dịch vụ; đồng thời cập nhật trạng thái xử lý đối với giao dịch hỗ trợ có liên quan, nếu có. Thông tin được công khai trên Hệ thống và thông báo bằng văn bản cho các bên có liên quan, không phải ban hành quyết định riêng đối với từng phiếu hỗ trợ hoặc từng giao dịch hỗ trợ, trừ trường hợp quyết định áp dụng riêng đối với phiếu hỗ trợ hoặc giao dịch hỗ trợ đó.

Điều 8. Đối tượng và điều kiện được cấp phiếu hỗ trợ

1. Đối tượng được xem xét cấp phiếu hỗ trợ chuyển đổi số, phiếu hỗ trợ thương mại điện tử gồm doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh được thành lập, đăng ký và đang hoạt động hợp pháp theo pháp luật Việt Nam; có trụ sở, chi nhánh hoặc địa điểm kinh doanh trên địa bàn Thành phố.

2. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được cấp phiếu hỗ trợ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Thông tin tại khoản 1 Điều này được xác thực từ cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp cơ sở dữ liệu chưa có, chưa kết nối hoặc thông tin chưa đầy đủ, việc xác thực được thực hiện trên cơ sở thông tin, tài liệu điện tử do đối tượng đề nghị cấp phiếu hỗ trợ cung cấp. Đối tượng đề nghị cấp phiếu hỗ trợ chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ của thông tin kê khai và tài liệu cung cấp;

b) Lựa chọn sản phẩm, dịch vụ thuộc phiên bản Danh mục hỗ trợ đang được áp dụng cho đợt hỗ trợ; cam kết sử dụng phiếu hỗ trợ đúng mục đích và bảo đảm sản phẩm, dịch vụ được hỗ trợ trực tiếp phục vụ hoạt động của trụ sở, chi nhánh hoặc địa điểm kinh doanh trên địa bàn Thành phố;

c) Cam kết không mua bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn, tặng cho, cầm cố, thế chấp, chuyển giao phiếu hỗ trợ cho đối tượng khác hoặc sử dụng phiếu

hỗ trợ sai mục đích; không đề nghị hỗ trợ trùng lặp từ ngân sách nhà nước cho cùng một nội dung chi đối với một đối tượng; xác nhận sử dụng sản phẩm, dịch vụ đúng với thực tế; cung cấp thông tin, dữ liệu, tài liệu điện tử cần thiết phục vụ việc quản lý và sử dụng phiếu hỗ trợ.

3. Trong mỗi đợt hỗ trợ, một đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được cấp tối đa một phiếu hỗ trợ chuyển đổi số và một phiếu hỗ trợ thương mại điện tử. Đối với sản phẩm, dịch vụ thuộc cả hai Danh mục hỗ trợ, cùng một nội dung chi chỉ được ghi nhận hỗ trợ trên một trong hai loại phiếu.

4. Việc đã được cấp phiếu hỗ trợ trong đợt hỗ trợ trước không đương nhiên loại trừ quyền đăng ký tham gia đợt hỗ trợ tiếp theo. Căn cứ dự toán kinh phí, mục tiêu, phạm vi, nhóm đối tượng ưu tiên, kết quả thực hiện các đợt hỗ trợ trước và yêu cầu thực tế, Sở Khoa học và Công nghệ xác định điều kiện tham gia, nguyên tắc ưu tiên hoặc việc chưa tiếp tục cấp phiếu trong đợt hỗ trợ đối với nhóm đối tượng đã được cấp phiếu trước đó. Điều kiện, nguyên tắc quy định tại khoản này phải được áp dụng thống nhất và công bố trước thời điểm bắt đầu tiếp nhận đăng ký của đợt hỗ trợ.

Điều 9. Hình thức, nội dung, trạng thái và quản lý phiếu hỗ trợ

1. Phiếu hỗ trợ chuyển đổi số và phiếu hỗ trợ thương mại điện tử do Sở Khoa học và Công nghệ cấp dưới dạng điện tử trên Hệ thống. Mỗi phiếu hỗ trợ có mã định danh duy nhất, được khởi tạo tự động và xác thực điện tử bởi Hệ thống.

2. Hệ thống là nguồn thông tin chính thức, còn hiệu lực của phiếu hỗ trợ. Phiếu hỗ trợ có giá trị áp dụng trên Hệ thống cho các giao dịch hỗ trợ được xác lập.

3. Phiếu hỗ trợ có tối thiểu các thông tin sau đây:

- a) Tên phiếu hỗ trợ;
- b) Mã số định danh và trạng thái của phiếu;
- c) Tên và mã số định danh của đối tượng thụ hưởng;
- d) Tên, mã sản phẩm, dịch vụ; tên, mã số định danh của nhà cung cấp;
- đ) Đối với từng sản phẩm, dịch vụ được lựa chọn: giá sản phẩm, dịch vụ; mức hỗ trợ tối đa; hạn mức hỗ trợ; phần chi phí thuộc trách nhiệm thanh toán của đối tượng thụ hưởng; số tiền hỗ trợ đã thanh toán và hạn mức còn lại;
- e) Mức trần hỗ trợ của phiếu; tổng hạn mức hỗ trợ; tổng số tiền hỗ trợ đã thanh toán và tổng hạn mức còn lại của phiếu hỗ trợ;
- g) Ngày cấp, ngày có hiệu lực, ngày hết hiệu lực của phiếu hỗ trợ.

4. Phiếu hỗ trợ được ghi nhận một hoặc nhiều sản phẩm, dịch vụ, nhà cung cấp do đối tượng đề nghị cấp phiếu lựa chọn tại thời điểm đăng ký.

5. Trong quá trình lựa chọn sản phẩm, dịch vụ, Hệ thống tự động xác định và hiển thị hạn mức hỗ trợ của từng sản phẩm, dịch vụ và tổng hạn mức hỗ trợ dự kiến ghi nhận. Trường hợp việc lựa chọn sản phẩm, dịch vụ tiếp theo làm tổng hạn mức hỗ trợ dự kiến vượt quá mức trần hỗ trợ của phiếu, phần vượt quá sẽ

được tính vào phân chi phí dự kiến thuộc trách nhiệm thanh toán của đối tượng thụ hưởng. Trong mọi trường hợp, hạn mức hỗ trợ của từng sản phẩm, dịch vụ không vượt quá mức hỗ trợ tối đa đã công bố trong Danh mục hỗ trợ; tổng hạn mức hỗ trợ của các sản phẩm, dịch vụ được lựa chọn không vượt quá mức trần hỗ trợ của phiếu.

6. Sau khi phiếu hỗ trợ được cấp, tổng hạn mức hỗ trợ ghi trên phiếu không được điều chỉnh tăng. Phần hạn mức hỗ trợ chưa sử dụng của một sản phẩm, dịch vụ không tự động được chuyển sang sản phẩm, dịch vụ khác. Việc điều chỉnh phân bổ phần hạn mức này chỉ được thực hiện theo đề nghị của đối tượng thụ hưởng khi thay thế toàn bộ hoặc một phần sản phẩm, dịch vụ và phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 11 Quyết định này. Phần hạn mức đã được giải phóng vào kinh phí còn lại của đợt hỗ trợ theo Quyết định này không được tiếp tục điều chỉnh trong phiếu.

7. Việc hiển thị, truy cập, chia sẻ và khai thác thông tin trên phiếu hỗ trợ phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin, an ninh mạng và pháp luật liên quan. Hệ thống phân quyền truy cập theo chức năng, nhiệm vụ; đối tượng thụ hưởng và nhà cung cấp chỉ được tiếp cận thông tin cần thiết liên quan trực tiếp đến phiếu, sản phẩm, dịch vụ và giao dịch của mình.

8. Thông tin trên phiếu hỗ trợ được Hệ thống cập nhật như sau:

a) Trạng thái của phiếu và từng giao dịch; trạng thái xác nhận của nhà cung cấp và đối tượng thụ hưởng; số tiền hỗ trợ đủ điều kiện thanh toán, đã thanh toán; hạn mức còn lại và các thông tin liên quan đến giao dịch hỗ trợ được Hệ thống tự động cập nhật trên cơ sở dữ liệu đăng ký, giao dịch, xác nhận, đối soát, thanh toán và các kết quả xử lý theo Quyết định này;

b) Thông tin hành chính của đối tượng thụ hưởng và nhà cung cấp được cập nhật theo cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo thông tin, tài liệu điện tử hợp lệ được cung cấp, nhưng không làm thay đổi nhà cung cấp và chủ thể được cấp phiếu; trừ trường hợp được điều chỉnh theo Quyết định này;

c) Mọi thay đổi thông tin trên phiếu được thông báo điện tử cho đối tượng thụ hưởng và nhà cung cấp có liên quan. Hệ thống phải lưu thông tin trước và sau khi thay đổi để phục vụ kiểm tra và hậu kiểm.

9. Tạm dừng sử dụng phiếu hỗ trợ là biện pháp quản lý tạm thời do Sở Khoa học và Công nghệ áp dụng trên Hệ thống để xác minh việc đáp ứng điều kiện hỗ trợ cho đối tượng thụ hưởng. Phiếu hỗ trợ bị tạm dừng áp dụng toàn bộ hoặc một phần khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Có thông tin, dữ liệu, cảnh báo hoặc phản ánh kèm theo căn cứ cho thấy đối tượng thụ hưởng có khả năng không đáp ứng hoặc không còn đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 8 Quyết định này;

b) Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

10. Phiếu hỗ trợ bị hủy một phần hoặc toàn bộ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Kết quả xác minh xác định đối tượng thụ hưởng không đáp ứng hoặc không còn đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 8 Quyết định này;

b) Đối tượng thụ hưởng không thực hiện yêu cầu khắc phục trong thời hạn được thông báo;

c) Hết thời hạn xác lập giao dịch hỗ trợ theo quy định tại Điều 11 Quyết định này;

d) Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Phiếu hỗ trợ bị tạm dừng hoặc hủy toàn bộ khi liên quan đến tư cách của đối tượng thụ hưởng hoặc toàn bộ nội dung của phiếu. Trường hợp căn cứ tạm dừng hoặc hủy chỉ liên quan đến một số nội dung thì chỉ tạm dừng hoặc hủy phần tương ứng.

11. Trình tự tạm dừng, hủy phiếu hỗ trợ được thực hiện tương tự trình tự tạm ngừng áp dụng và đưa sản phẩm, dịch vụ ra khỏi Danh mục hỗ trợ quy định tại khoản 4 Điều 7 Quyết định này.

12. Trong thời gian tạm dừng áp dụng phiếu hỗ trợ, giao dịch liên quan được xử lý như sau:

a) Phiếu hỗ trợ không được sử dụng để xác lập giao dịch hỗ trợ mới trong phạm vi bị tạm dừng, không được sử dụng để xác định phần kinh phí thuộc trách nhiệm của đối tượng thụ hưởng; phần hạn mức hỗ trợ tương ứng tiếp tục được giữ;

b) Giao dịch đã được xác lập hợp lệ, phiếu hỗ trợ đã được sử dụng để xác định phần kinh phí thuộc trách nhiệm thanh toán của đối tượng thụ hưởng, việc thanh toán khoản hỗ trợ được xử lý theo quy định tại Điều 11 và Điều 12 Quyết định này;

c) Khi phiếu hỗ trợ được khôi phục, Hệ thống tiếp tục cho phép sử dụng và xử lý giao dịch theo Quyết định này.

13. Kể từ thời điểm phiếu hỗ trợ bị hủy, xử lý như sau:

a) Phiếu hỗ trợ không được sử dụng để xác lập giao dịch hỗ trợ mới trong phạm vi bị hủy, không được sử dụng để xác định phần kinh phí thuộc trách nhiệm của đối tượng thụ hưởng; phần hạn mức hỗ trợ chưa sử dụng được giải phóng vào kinh phí còn lại của đợt hỗ trợ;

b) Phần sản phẩm, dịch vụ đã được cung cấp và xác nhận đủ điều kiện thanh toán trước thời điểm hủy tiếp tục được thanh toán theo Điều 12 Quyết định này nếu đủ điều kiện thanh toán;

c) Trường hợp nhà cung cấp đã cung cấp sản phẩm, dịch vụ đúng nội dung giao dịch nhưng khoản hỗ trợ chưa được thanh toán do hành vi vi phạm của đối tượng thụ hưởng, đối tượng thụ hưởng có trách nhiệm thanh toán cho nhà cung cấp phần giá trị tương ứng với khoản hỗ trợ bị hủy, trừ trường hợp nhà cung cấp có lỗi hoặc các bên có thỏa thuận khác phù hợp với pháp luật. Nội dung này phải được thể hiện trong hợp đồng, đơn hàng hoặc giao dịch điện tử và được các bên chấp thuận khi xác lập giao dịch hỗ trợ, là thỏa thuận dân sự hợp lệ giữa các bên.

14. Việc tạm dừng hoặc hủy phiếu hỗ trợ không đương nhiên làm chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự đã phát sinh giữa nhà cung cấp và đối tượng thụ hưởng. Việc tiếp tục, sửa đổi, chấm dứt và xử lý hậu quả của giao dịch được thực hiện theo nội dung đã được các bên xác lập và quy định của pháp luật.

15. Hệ thống cập nhật, lưu trữ và thông báo cho các bên về phạm vi, căn cứ, lý do và thời điểm tạm dừng, khôi phục hoặc hủy phiếu hỗ trợ.

Điều 10. Công bố đợt hỗ trợ, đăng ký và cấp phiếu hỗ trợ

1. Chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày bắt đầu tiếp nhận đăng ký, căn cứ dự toán ngân sách nhà nước được giao, Sở Khoa học và Công nghệ công khai trên Hệ thống kế hoạch của đợt hỗ trợ, bao gồm:

a) Mục tiêu, phạm vi, đối tượng tiếp nhận đăng ký; điều kiện tham gia của đối tượng đã được cấp phiếu tại đợt hỗ trợ trước, nếu có; nhóm đối tượng ưu tiên và tiêu chí xác định nhóm đối tượng ưu tiên, nếu có. Tiêu chí ưu tiên phải phù hợp với mục tiêu của đợt hỗ trợ, có khả năng kiểm chứng, được áp dụng thống nhất và không tạo lợi thế cho một nhà cung cấp hoặc một đối tượng thụ hưởng cụ thể;

b) Tổng kinh phí hỗ trợ; số lượng phiếu dự kiến; mức hỗ trợ tối đa và mức trần hỗ trợ của từng loại phiếu; phần kinh phí dự kiến dành cho nhóm đối tượng chung và từng nhóm đối tượng ưu tiên, nếu có;

c) Danh mục hỗ trợ được áp dụng. Đối với nội dung đã được công khai theo từng sản phẩm, dịch vụ trong Danh mục hỗ trợ, kế hoạch của đợt hỗ trợ được dẫn chiếu đến thông tin tương ứng trên Hệ thống mà không phải công bố lại;

d) Thời điểm bắt đầu, kết thúc tiếp nhận đăng ký; thời hạn hiệu lực của phiếu hỗ trợ; thời điểm chuyển phần kinh phí chưa được phân bổ của nhóm ưu tiên vào kinh phí chung của đợt hỗ trợ, nếu có;

đ) Thông tin khác cần thiết cho việc đăng ký, cấp và sử dụng phiếu hỗ trợ.

2. Trong thời gian tiếp nhận đăng ký, Sở Khoa học và Công nghệ được điều chỉnh nội dung đã công bố để phù hợp với nguồn kinh phí và tình hình thực tế. Nội dung điều chỉnh phải được công bố trước khi áp dụng ít nhất 01 ngày làm việc và chỉ áp dụng đối với đăng ký được hệ thống ghi nhận kể từ thời điểm điều chỉnh có hiệu lực; không làm thay đổi thứ tự đăng ký, giảm quyền lợi hoặc đặt thêm điều kiện đối với đăng ký đầy đủ, hợp lệ đã được ghi nhận trước thời điểm đó, trừ trường hợp thực hiện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Việc tiếp nhận đăng ký được thực hiện liên tục kể từ thời điểm bắt đầu đến khi kinh phí của đợt hỗ trợ đã được phân bổ hết hoặc kết thúc thời hạn tiếp nhận, tùy theo thời điểm nào đến trước, được thực hiện như sau:

a) Khi cấp phiếu, Hệ thống ghi nhận và giữ trong tổng kinh phí của đợt hỗ trợ phần kinh phí tương ứng với tổng hạn mức hỗ trợ ghi trên phiếu;

b) Hệ thống chỉ cấp phiếu khi kinh phí còn lại đủ để giữ toàn bộ tổng hạn mức hỗ trợ dự kiến ghi trên phiếu. Đăng ký đã được tiếp nhận hợp lệ nhưng chưa

được cấp phiếu do không đủ kinh phí được xử lý theo danh sách chờ quy định tại khoản 9 Điều này;

c) Tại mọi thời điểm, tổng số tiền hỗ trợ đã thanh toán và tổng số tiền đang được giữ tương ứng với phần hạn mức hỗ trợ chưa thanh toán không được vượt quá tổng kinh phí của đợt hỗ trợ;

d) Trường hợp phiếu bị hủy hoặc hết hiệu lực; giao dịch bị hủy, chấm dứt; hoặc số tiền hỗ trợ thực tế thấp hơn phần hạn mức hỗ trợ đã phân bổ, Hệ thống giải phóng phần hạn mức không sử dụng theo Điều 9 và Điều 11 Quyết định này và cộng vào kinh phí còn lại của đợt hỗ trợ. Nếu đợt hỗ trợ vẫn còn thời hạn, phần kinh phí được giải phóng được sử dụng để xử lý đăng ký trong danh sách chờ theo thứ tự quy định tại khoản 9 Điều này; trường hợp không còn đăng ký trong danh sách chờ, Hệ thống tiếp tục tiếp nhận đăng ký mới;

đ) Việc ghi nhận và giữ kinh phí theo khoản này chỉ nhằm quản lý khả năng cân đối nguồn lực, không phải là khoản chi ngân sách nhà nước, không làm phát sinh quyền nhận khoản hỗ trợ bằng tiền của đối tượng thụ hưởng theo khoản 2 Điều 12 Quyết định này và không làm phát sinh nghĩa vụ thanh toán khoản hỗ trợ cho nhà cung cấp khi giao dịch chưa đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định tại Điều 12 Quyết định này.

4. Đối tượng đề nghị cấp phiếu hỗ trợ đăng nhập, xác thực trên Hệ thống tại nền tảng Công dân Thủ đô số iHanoi hoặc Cổng Dịch vụ công Quốc gia, và thực hiện các nội dung sau đây:

a) Kiểm tra, bổ sung và xác nhận thông tin theo Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này; cung cấp tài liệu điện tử trong trường hợp Hệ thống chưa có đủ cơ sở dữ liệu để xác thực tự động;

b) Lựa chọn loại phiếu; sản phẩm, dịch vụ thuộc phiên bản Danh mục hỗ trợ đang được áp dụng; xác nhận số lượng hoặc đơn vị tính, thời gian sử dụng;

c) Kiểm tra giá hoặc phương thức tính giá, mức hỗ trợ tối đa, hạn mức hỗ trợ của từng sản phẩm, dịch vụ, tổng hạn mức hỗ trợ, mức trần của phiếu dự kiến do Hệ thống xác định;

d) Kiểm tra và xác nhận nội dung dự kiến ghi trên phiếu hỗ trợ;

đ) Thực hiện cam kết điện tử về tính trung thực, chính xác, đầy đủ của thông tin, việc đáp ứng điều kiện hỗ trợ, không đề nghị hỗ trợ trùng lặp và trách nhiệm sử dụng phiếu hỗ trợ theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Quyết định này;

e) Gửi đăng ký trên Hệ thống.

5. Hệ thống tự động kiểm tra các nội dung sau đây:

a) Điều kiện của đối tượng đề nghị cấp phiếu theo Điều 8 Quyết định này;

b) Khả năng đáp ứng trong kinh phí còn lại của đợt hỗ trợ;

c) Các thông tin, dữ liệu khác trên Hệ thống phục vụ cho việc cấp phiếu.

6. Trường hợp thông tin đăng ký chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, Hệ thống thông báo một lần, trong đó nêu đầy đủ nội dung cần bổ sung. Đối tượng phải hoàn thành việc bổ sung trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Hệ thống gửi thông báo; quá thời hạn này nếu không bổ sung đầy đủ, Hệ thống sẽ dừng xử lý đăng ký đó.

7. Trường hợp không thể xác thực tự động, đăng ký được chuyển sang xác minh và thời điểm Hệ thống ghi nhận đăng ký đầy đủ được giữ nguyên. Sở Khoa học và Công nghệ hoàn thành việc xác minh trong thời hạn 03 ngày làm việc; trường hợp không cấp phiếu phải nêu rõ lý do.

8. Việc Hệ thống kiểm tra tự động không loại trừ trách nhiệm của đối tượng đề nghị cấp phiếu. Đối tượng đề nghị cấp phiếu chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ, hợp pháp và còn hiệu lực của thông tin, tài liệu trong đăng ký.

9. Thứ tự và kết quả cấp phiếu được xác định như sau:

a) Phiếu được cấp theo thứ tự thời điểm Hệ thống ghi nhận đăng ký đầy đủ, hợp lệ. Đăng ký phải bổ sung do đối tượng kê khai thiếu hoặc không chính xác được xác định thứ tự kể từ thời điểm hoàn thành việc bổ sung;

b) Trường hợp có kinh phí dành riêng cho nhóm ưu tiên, phiếu được cấp theo thứ tự đăng ký đầy đủ, hợp lệ trong phạm vi kinh phí dành cho nhóm đó;

c) Khi kinh phí còn lại không đủ để cấp phiếu tiếp theo, Hệ thống đưa đăng ký đủ điều kiện vào danh sách chờ theo thứ tự quy định tại điểm a và điểm b khoản này. Khi có kinh phí được giải phóng hoặc được bổ sung, Hệ thống thông báo cho đối tượng theo thứ tự danh sách chờ để xác nhận còn nhu cầu. Đối tượng phải xác nhận trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Hệ thống gửi thông báo; quá thời hạn này mà không xác nhận thì đăng ký hết hiệu lực và Hệ thống chuyển sang đăng ký tiếp theo;

d) Việc đưa vào danh sách chờ không làm phát sinh quyền chắc chắn được cấp phiếu. Danh sách chờ chấm dứt hiệu lực khi kết thúc đợt hỗ trợ, trừ trường hợp kế hoạch của đợt hỗ trợ có quy định thời gian xử lý danh sách chờ sau thời điểm kết thúc tiếp nhận;

đ) Kết quả xử lý đăng ký gồm: cấp phiếu đối với đăng ký đáp ứng đầy đủ điều kiện và được bảo đảm nguồn lực; đưa vào danh sách chờ đối với đăng ký đủ điều kiện nhưng kinh phí còn lại chưa đáp ứng; hoặc không cấp phiếu đối với đăng ký không đáp ứng điều kiện. Thông báo kết quả phải nêu rõ trạng thái xử lý và lý do trong trường hợp không cấp phiếu.

10. Đối với đăng ký đáp ứng đủ điều kiện và còn đủ kinh phí, Hệ thống tự động tạo lập phiếu hỗ trợ theo Mẫu số 08 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này; Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Hệ thống tạo lập Phiếu hỗ trợ.

11. Kết quả xử lý được gửi trên Hệ thống cho đối tượng đăng ký; trường hợp cấp phiếu, kết quả đồng thời được gửi trên Hệ thống cho nhà cung cấp có liên quan.

12. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thiết lập các điều kiện, tiêu chí và quy tắc cấp phiếu trên Hệ thống. Căn cứ tính chất, phạm vi và trạng thái thực tế, Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện việc đình chỉ, khôi phục, tiếp tục xử lý đăng ký hoặc xử lý phiếu hỗ trợ theo Điều 9 Quyết định này. Kết quả xử lý phải được ghi nhận trên Hệ thống và thông báo cho các bên có liên quan.

Điều 11. Xác lập, điều chỉnh giao dịch và xác định số tiền hỗ trợ

1. Sau khi được cấp phiếu hỗ trợ, đối tượng thụ hưởng sử dụng phiếu để xác lập giao dịch hỗ trợ đối với sản phẩm, dịch vụ và nhà cung cấp ghi trên phiếu. Mỗi giao dịch được gắn với một sản phẩm, dịch vụ, nhà cung cấp và có mã giao dịch riêng trên Hệ thống. Việc xác lập, thay thế hoặc điều chỉnh giao dịch không được làm tăng tổng hạn mức hỗ trợ ghi trên phiếu. Số tiền hỗ trợ thực tế đối với từng sản phẩm, dịch vụ không vượt quá hạn mức hỗ trợ đã phân bổ cho sản phẩm, dịch vụ đó.

2. Việc xác lập giao dịch hỗ trợ được thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn được xác định tại kế hoạch của đợt hỗ trợ nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày cấp phiếu và không vượt quá thời hạn hiệu lực của phiếu, đối tượng thụ hưởng gửi yêu cầu cung cấp cho nhà cung cấp trên Hệ thống; quá thời hạn nêu trên mà không gửi yêu cầu, phiếu hỗ trợ tự động hết hiệu lực và hạn mức hỗ trợ được giải phóng vào tổng kinh phí còn lại của đợt hỗ trợ;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày yêu cầu được ghi nhận trên Hệ thống, nhà cung cấp xác nhận hoặc từ chối khả năng cung cấp. Trường hợp từ chối phải nêu rõ lý do. Quá thời hạn này mà nhà cung cấp không phản hồi thì được xác định là không xác nhận khả năng cung cấp.

Trường hợp nhà cung cấp từ chối hoặc không xác nhận khả năng cung cấp, Hệ thống thông báo cho đối tượng thụ hưởng hủy sản phẩm, dịch vụ trên phiếu hoặc thực hiện việc thay thế sản phẩm, dịch vụ theo khoản 3, khoản 4 Điều này. Trường hợp thực hiện việc thay thế, phần hạn mức hỗ trợ tương ứng tiếp tục được giữ trong thời hạn thực hiện việc thay thế;

c) Sau khi nhà cung cấp xác nhận khả năng cung cấp, các bên ký kết hợp đồng, xác nhận đơn hàng hoặc xác lập giao dịch hỗ trợ bằng hình thức điện tử hợp pháp khác theo phương thức xác lập giao dịch hỗ trợ đã công bố trong Danh mục hỗ trợ trên Hệ thống;

d) Thời hạn xác lập giao dịch hỗ trợ được công bố đối với từng sản phẩm, dịch vụ trong Danh mục hỗ trợ hoặc kế hoạch của đợt hỗ trợ nhưng không vượt quá thời hạn hiệu lực của phiếu;

đ) Xác nhận khả năng cung cấp của nhà cung cấp không phải là xác nhận đã hoàn thành việc cung cấp và không thay thế xác nhận sử dụng sản phẩm, dịch vụ của đối tượng thụ hưởng;

e) Hết thời hạn quy định tại điểm d khoản này mà giao dịch chưa được xác lập thì sản phẩm, dịch vụ tương ứng trên phiếu bị hủy và phần hạn mức hỗ trợ chưa

sử dụng được giải phóng vào kinh phí còn lại của đợt hỗ trợ, trừ trường hợp đối tượng thụ hưởng đang thực hiện việc thay thế theo khoản 3 và khoản 4 Điều này.

3. Trong thời hạn hiệu lực của phiếu hỗ trợ, đối tượng thụ hưởng được đề nghị thay thế sản phẩm, dịch vụ trong các trường hợp sau đây:

- a) Nhà cung cấp từ chối, không xác nhận khả năng cung cấp;
- b) Sản phẩm, dịch vụ ghi trên phiếu hỗ trợ bị tạm ngừng áp dụng hoặc bị đưa ra khỏi Danh mục hỗ trợ trong trường hợp chưa xác lập giao dịch hỗ trợ;
- c) Giao dịch hoặc phân giao dịch đã xác lập được các bên thỏa thuận chấm dứt với điều kiện phân sản phẩm, dịch vụ tương ứng chưa được xác nhận đủ điều kiện thanh toán và chưa được thanh toán khoản hỗ trợ.

4. Trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, đối tượng thụ hưởng được lựa chọn sản phẩm, dịch vụ hoặc nhà cung cấp thay thế thuộc phiên bản Danh mục hỗ trợ được áp dụng tại thời điểm đề nghị thay thế, phù hợp với loại phiếu đã cấp và điều kiện của đợt hỗ trợ. Việc thay thế được xử lý như sau:

- a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày Hệ thống gửi thông báo cho phép thực hiện việc thay thế và không vượt quá thời hạn hiệu lực của phiếu, đối tượng thụ hưởng phải hoàn thành việc lựa chọn sản phẩm, dịch vụ thay thế. Quá thời hạn này mà không lựa chọn, phần hạn mức hỗ trợ chưa sử dụng của sản phẩm, dịch vụ bị thay thế được giải phóng vào kinh phí còn lại của đợt hỗ trợ;
- b) Phần hạn mức hỗ trợ phân bổ cho sản phẩm, dịch vụ thay thế không được vượt quá mức hỗ trợ tối đa tương ứng và phần hạn mức hỗ trợ chưa sử dụng của sản phẩm, dịch vụ bị thay thế. Tổng hạn mức hỗ trợ sau điều chỉnh không được vượt quá tổng hạn mức hỗ trợ ghi trên phiếu tại thời điểm cấp.

Trường hợp số tiền hỗ trợ tối đa có thể xác định đối với sản phẩm, dịch vụ thay thế thấp hơn phần hạn mức hỗ trợ chưa sử dụng của sản phẩm, dịch vụ bị thay thế, phần chênh lệch được giải phóng vào kinh phí còn lại của đợt hỗ trợ. Trường hợp số tiền hỗ trợ có thể xác định cao hơn phần hạn mức hỗ trợ được phân bổ, phần chi phí không được hỗ trợ do đối tượng thụ hưởng thanh toán;

- c) Hệ thống kiểm tra các điều kiện thay thế theo Quyết định này và cập nhật thông tin trên phiếu hỗ trợ.

5. Theo nhu cầu thực tế trong quá trình thực hiện, các bên được thỏa thuận điều chỉnh giao dịch chưa được xác nhận đủ điều kiện thanh toán và chưa được thanh toán khoản hỗ trợ, nhưng không được làm thay đổi đối tượng thụ hưởng, sản phẩm, dịch vụ và nhà cung cấp. Việc điều chỉnh giao dịch phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- a) Được xác lập bằng phụ lục hợp đồng, điều chỉnh đơn hàng hoặc thỏa thuận điện tử hợp pháp trên Hệ thống;
- b) Trường hợp số tiền hỗ trợ xác định lại cao hơn phần hạn mức hỗ trợ đã phân bổ cho sản phẩm, dịch vụ, phần chênh lệch do đối tượng thụ hưởng thanh

toán; trường hợp thấp hơn, phần hạn mức chênh lệch được giải phóng vào kinh phí còn lại của đợt hỗ trợ.

6. Số tiền hỗ trợ thực tế đối với từng sản phẩm, dịch vụ được xác định trên cơ sở sau đây:

- a) Hợp đồng, đơn hàng hoặc giao dịch điện tử và nội dung điều chỉnh;
- b) Giá hoặc phương thức tính giá đã được xác lập hợp lệ;
- c) Số lượng, khối lượng, phạm vi hoặc thời gian cung cấp được xác nhận;
- d) Hóa đơn điện tử và dữ liệu được cập nhật, chia sẻ với Hệ thống;
- đ) Mức hỗ trợ tối đa, hạn mức hỗ trợ và hạn mức còn lại.

7. Trường hợp sản phẩm, dịch vụ được cung cấp, xác nhận hoặc thanh toán nhiều lần, số tiền hỗ trợ được xác định tại từng lần thanh toán tương ứng. Tổng số tiền hỗ trợ của các lần không được vượt quá phần hạn mức hỗ trợ được phân bổ cho sản phẩm, dịch vụ đó.

Điều 12. Thực hiện giao dịch, xác nhận kết quả sử dụng và thanh toán khoản hỗ trợ

1. Đối tượng thụ hưởng và nhà cung cấp thực hiện hợp đồng, đơn hàng hoặc giao dịch điện tử đã xác lập theo Điều 11 Quyết định này. Thông tin, dữ liệu và tài liệu về việc cung cấp, sử dụng, xác nhận và thanh toán giao dịch được cập nhật, ghi nhận hoặc chia sẻ với Hệ thống theo phương thức được công bố đối với từng sản phẩm, dịch vụ trong Danh mục hỗ trợ.

2. Đối tượng thụ hưởng thanh toán phần chi phí thuộc trách nhiệm của mình bằng phương thức không dùng tiền mặt. Việc thanh toán được thực hiện theo giao dịch đã xác lập và phải hoàn thành trước khi thanh toán khoản hỗ trợ tương ứng. Thông tin, dữ liệu thanh toán được cập nhật, ghi nhận hoặc chia sẻ với Hệ thống. Khoản hỗ trợ từ ngân sách nhà nước được cơ quan, đơn vị được giao dự toán thanh toán trực tiếp cho nhà cung cấp.

Nhà cung cấp không được yêu cầu đối tượng thụ hưởng thanh toán trước hoặc thanh toán thay phần chi phí dự kiến được thanh toán từ khoản hỗ trợ, trừ trường hợp giao dịch không được hỗ trợ do không đáp ứng điều kiện và đối tượng thụ hưởng đồng ý tiếp tục thực hiện giao dịch bằng nguồn kinh phí của mình.

3. Nhà cung cấp có trách nhiệm:

- a) Cung cấp sản phẩm, dịch vụ theo đúng giao dịch đã xác lập;
- b) Lập hóa đơn điện tử theo quy định của pháp luật;
- c) Cập nhật, ghi nhận hoặc chia sẻ với Hệ thống các thông tin, dữ liệu, tài liệu điện tử chứng minh việc cung cấp, sử dụng sản phẩm, dịch vụ theo phương thức công bố tại Danh mục hỗ trợ để phục vụ kiểm tra và hậu kiểm;
- d) Gửi đề nghị xác nhận sử dụng sản phẩm, dịch vụ cho đối tượng thụ hưởng theo phương thức được công bố trong Danh mục hỗ trợ.

4. Trong từng kỳ thanh toán khoản hỗ trợ, phải có xác nhận sử dụng sản phẩm, dịch vụ của đối tượng thụ hưởng tương ứng với kỳ đó. Việc xác nhận được thực hiện như sau:

a) Đối tượng thụ hưởng xác nhận sử dụng sản phẩm, dịch vụ trên Hệ thống theo nội dung, phương thức, thời hạn được công bố đối với từng sản phẩm, dịch vụ trong Danh mục hỗ trợ. Trường hợp xác nhận một phần hoặc không xác nhận phải nêu rõ lý do và nội dung chưa phù hợp;

b) Xác nhận kết quả sử dụng sản phẩm, dịch vụ làm căn cứ xem xét thanh toán khoản hỗ trợ tương ứng; không thay thế việc nghiệm thu theo pháp luật chuyên ngành hoặc theo giao dịch đã xác lập, nếu có; không làm mất quyền yêu cầu bảo hành, bảo trì, khắc phục, hoàn tiền, bồi thường hoặc giải quyết tranh chấp của đối tượng thụ hưởng;

c) Đối với sản phẩm, dịch vụ có dữ liệu kỹ thuật điện tử chứng minh việc cung cấp và sử dụng thực tế, nhà cung cấp phải truyền dữ liệu đối soát tự động lên Hệ thống. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo đề nghị xác nhận, nếu đối tượng thụ hưởng không phản hồi và không có khiếu nại trên hệ thống, Hệ thống căn cứ vào dữ liệu đối soát tự động hoặc tài liệu minh chứng của nhà cung cấp để ghi nhận trạng thái đã xác nhận sử dụng sản phẩm, dịch vụ làm căn cứ lập hồ sơ đề nghị thanh toán khoản hỗ trợ đủ điều kiện.

5. Khoản hỗ trợ được thanh toán khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Có xác nhận kết quả sử dụng sản phẩm, dịch vụ của đối tượng thụ hưởng theo khoản 4 Điều này;

b) Phần chi phí thuộc trách nhiệm của đối tượng thụ hưởng đã được thanh toán, nếu có;

c) Hồ sơ thanh toán đầy đủ, hợp lệ;

d) Không thuộc trường hợp bị tạm ngừng hoặc hủy khoản hỗ trợ theo Quyết định này;

đ) Không có thông tin, dữ liệu không thống nhất hoặc cảnh báo rủi ro có liên quan chưa được xử lý.

Căn cứ dữ liệu giao dịch, hóa đơn điện tử, xác nhận của đối tượng thụ hưởng và dữ liệu đối soát, Hệ thống xác định số tiền đủ điều kiện thanh toán theo Điều 11 Quyết định này và lập đề nghị thanh toán khoản hỗ trợ.

Trường hợp thông tin, dữ liệu không thống nhất hoặc có cảnh báo rủi ro chưa được xử lý, Hệ thống tạm ngừng lập đề nghị thanh toán đối với phần có liên quan và chuyển xác minh theo Điều 13 Quyết định này.

6. Trong thời hạn quy định tại điểm c khoản 4 Điều này, trường hợp đối tượng thụ hưởng có ý kiến về phạm vi, khối lượng, chất lượng, thời gian hoặc điều kiện cung cấp, việc xử lý được thực hiện như sau:

a) Tạm ngừng thanh toán khoản hỗ trợ đối với phần có ý kiến. Phần đã được xác nhận và có thể tách riêng vẫn được xem xét thanh toán nếu đáp ứng đầy đủ điều kiện;

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh ý kiến, các bên có trách nhiệm trao đổi, xử lý và cập nhật kết quả trên Hệ thống. Trường hợp cần thêm thời gian để kiểm tra, khắc phục hoặc đánh giá kết quả, các bên có thể thống nhất kéo dài thời hạn và phải ghi nhận trên Hệ thống;

c) Hết thời hạn xử lý quy định tại điểm b khoản này mà ý kiến chưa được giải quyết hoặc các bên không thống nhất, nhà cung cấp được đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ đơn đốc, xác minh. Các bên có trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu và tài liệu có liên quan. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có đủ thông tin, tài liệu, Sở Khoa học và Công nghệ xác định việc đáp ứng điều kiện thanh toán khoản hỗ trợ theo quy định.

Trường hợp cần kiểm tra kỹ thuật, kiểm tra thực tế hoặc lấy ý kiến cơ quan chuyên môn, thời hạn xác minh được gia hạn một lần nhưng không quá 20 ngày làm việc và phải thông báo bằng văn bản cho các bên về lý do, nội dung và thời gian gia hạn;

d) Việc xác minh và xử lý của Sở Khoa học và Công nghệ chỉ nhằm xác định việc đáp ứng điều kiện hỗ trợ; không xác định lỗi, trách nhiệm bồi thường hoặc việc hoàn thành nghĩa vụ dân sự và không thay thế việc giải quyết quyền, nghĩa vụ giữa các bên theo giao dịch và quy định của pháp luật.

Phần hạn mức hỗ trợ tương ứng với khoản hỗ trợ bị tạm ngừng thanh toán được tiếp tục giữ trong tổng kinh phí đã phân bổ của đợt hỗ trợ. Khoản hỗ trợ được tiếp tục xem xét thanh toán sau khi xác minh đáp ứng đầy đủ điều kiện hỗ trợ.

7. Hồ sơ thanh toán điện tử gồm:

a) Đề nghị thanh toán khoản hỗ trợ do Hệ thống hỗ trợ lập, có xác nhận của nhà cung cấp; kèm theo thông tin về phiếu hỗ trợ và giao dịch;

b) Hợp đồng, đơn hàng hoặc dữ liệu xác lập giao dịch hỗ trợ và nội dung điều chỉnh đã được cập nhật, ghi nhận trên Hệ thống, nếu có;

c) Hóa đơn điện tử;

d) Chứng từ thanh toán phần chi phí thuộc trách nhiệm của đối tượng thụ hưởng;

đ) Xác nhận sử dụng sản phẩm, dịch vụ của đối tượng thụ hưởng và dữ liệu chứng minh có liên quan;

e) Kết quả xác minh hoặc kết quả theo khoản 6 Điều này, nếu có;

g) Tài liệu khác bắt buộc theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, kế toán, thuế và pháp luật có liên quan, nếu có.

Dữ liệu đã có trên Hệ thống hoặc có thể khai thác từ hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu được kết nối, chia sẻ được tự động sử dụng để lập hồ sơ thanh toán và không yêu cầu các bên cung cấp lại.

Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ thanh toán đầy đủ, hợp lệ và hoàn thành đối soát, cơ quan, đơn vị được giao dự toán thực hiện thanh toán khoản hỗ trợ cho nhà cung cấp theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Căn cứ số lượng hồ sơ và yêu cầu quản lý, cơ quan, đơn vị được giao dự toán được tổng hợp các hồ sơ đủ điều kiện để tổ chức thanh toán theo đợt định kỳ hằng tháng, lịch thanh toán được công bố trước trên Hệ thống.

8. Kỳ thanh toán khoản hỗ trợ được xác định đối với từng sản phẩm, dịch vụ trong Danh mục hỗ trợ. Khoản hỗ trợ có thể được thanh toán cho nhà cung cấp một lần hoặc theo kỳ khi đáp ứng điều kiện thanh toán theo Quyết định này; có thể thực hiện tại thời điểm xác lập giao dịch, bàn giao, sử dụng hoặc các thời điểm phù hợp với tính chất của từng sản phẩm, dịch vụ. Kỳ thanh toán khoản hỗ trợ được xác định độc lập, căn cứ vào tính chất của sản phẩm, dịch vụ và khả năng kiểm soát rủi ro, không phụ thuộc vào kỳ thanh toán phần kinh phí thuộc trách nhiệm của đối tượng thụ hưởng.

9. Hệ thống được kết nối với Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán được cấp phép và hệ thống thông tin, phần mềm có liên quan để trao đổi dữ liệu, cập nhật trạng thái và đối soát giao dịch theo quy định của pháp luật.

Trường hợp chưa thực hiện kết nối trực tiếp, thông tin, dữ liệu và tài liệu điện tử được cập nhật hoặc chia sẻ với Hệ thống theo phương thức phù hợp được công bố đối với từng sản phẩm, dịch vụ.

10. Việc kiểm soát, thanh toán, hạch toán và quyết toán kinh phí từ ngân sách nhà nước được thực hiện theo pháp luật về ngân sách nhà nước, kế toán và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 13. Dữ liệu và kiểm soát rủi ro trong thực hiện phiếu hỗ trợ

1. Thông tin, dữ liệu và tài liệu phục vụ xác lập, thực hiện, xác nhận và thanh toán giao dịch được thu thập, cập nhật, ghi nhận hoặc chia sẻ theo nguyên tắc đúng mục đích, trong phạm vi cần thiết và phù hợp với tính chất của từng sản phẩm, dịch vụ và tuân thủ quy định pháp luật có liên quan.

2. Sở Khoa học và Công nghệ xác định các loại dữ liệu cần cung cấp, chia sẻ và phương thức cung cấp, chia sẻ đối với từng sản phẩm, dịch vụ khi công bố Danh mục hỗ trợ để phục vụ cho việc tổ chức thực hiện chính sách theo Quyết định này. Nhà cung cấp và đối tượng thụ hưởng khi xác lập giao dịch hỗ trợ được hiểu là đồng ý cung cấp, chia sẻ các loại dữ liệu theo nội dung và phương thức đã được công bố trong Danh mục hỗ trợ (đối với dữ liệu cá nhân, nếu có, việc chia sẻ phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân).

3. Hệ thống được thiết lập các cơ chế cảnh báo rủi ro đối với các giao dịch, dữ liệu bất thường. Trong trường hợp có cảnh báo, Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ điều kiện thực tế để áp dụng các biện pháp quản lý, bao gồm: kiểm tra, xác minh, tạm dừng, hủy, khôi phục hoặc các biện pháp nghiệp vụ cần thiết khác để kiểm soát, xử lý rủi ro được phát hiện.

Điều 14. Hoàn trả, thu hồi kinh phí hỗ trợ đã thanh toán

1. Kinh phí hỗ trợ đã thanh toán cho nhà cung cấp bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a) Giao dịch, hoạt động, nhiệm vụ, dự án hoặc nội dung được hỗ trợ bị hủy, chấm dứt, điều chỉnh, giảm giá, hoàn tiền hoặc phát sinh sự kiện khác làm cho số tiền hỗ trợ đã thanh toán cao hơn số tiền hỗ trợ thực tế đủ điều kiện;

b) Qua kiểm tra, đối soát hoặc hậu kiểm phát hiện khoản hỗ trợ được thanh toán trên cơ sở thông tin, dữ liệu hoặc tài liệu không chính xác, không trung thực; giao dịch giả mạo, trùng lặp; không đúng đối tượng, điều kiện, sản phẩm, dịch vụ, giá trị hoặc mức hỗ trợ;

c) Có sai sót trong xử lý, đối soát, xác định số tiền hoặc thanh toán khoản hỗ trợ;

d) Đối tượng thụ hưởng, cơ quan, tổ chức, đơn vị được hỗ trợ, nhà cung cấp hoặc bên có liên quan có hành vi giả mạo, thông đồng hoặc thực hiện hành vi nhằm trục lợi chính sách;

đ) Có quyết định, kết luận hoặc văn bản xử lý của cơ quan có thẩm quyền.

2. Số tiền phải thu hồi là phần chênh lệch giữa số tiền hỗ trợ đã thanh toán và số tiền hỗ trợ thực tế đủ điều kiện. Trường hợp chỉ một phần giao dịch không đủ điều kiện hỗ trợ thì chỉ thu hồi số tiền tương ứng với phần đó; trường hợp toàn bộ giao dịch không đủ điều kiện hỗ trợ thì thu hồi toàn bộ số tiền đã thanh toán.

3. Chủ thể có trách nhiệm hoàn trả kinh phí được xác định như sau:

a) Đối tượng thụ hưởng có trách nhiệm hoàn trả số tiền hỗ trợ phải thu hồi nếu khoản hỗ trợ bị thu hồi do lỗi của mình, bao gồm kê khai hoặc cung cấp thông tin, tài liệu không chính xác; sử dụng phiếu hỗ trợ sai mục đích; không đáp ứng điều kiện hỗ trợ hoặc không thực hiện đúng nghĩa vụ theo Quyết định này;

b) Nhà cung cấp có trách nhiệm hoàn trả số tiền hỗ trợ phải thu hồi nếu khoản hỗ trợ bị thu hồi do lỗi của nhà cung cấp, bao gồm không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ sản phẩm, dịch vụ đã được thanh toán; cung cấp thông tin, dữ liệu, tài liệu không chính xác làm khoản hỗ trợ được thanh toán không đúng; hoặc có hành vi vi phạm khác dẫn đến khoản hỗ trợ đã thanh toán cao hơn khoản hỗ trợ lẽ ra được thanh toán theo đúng quy định hoặc không thực hiện đúng nghĩa vụ theo Quyết định này;

c) Trường hợp khoản phải thu hồi phát sinh do hành vi của cả nhà cung cấp và đối tượng thụ hưởng, quyết định thu hồi xác định trách nhiệm và số tiền phải hoàn trả của từng bên căn cứ tính chất, mức độ vi phạm, số tiền hoặc lợi ích đã nhận. Trường hợp pháp luật quy định trách nhiệm liên đới thì thực hiện theo quy định đó;

d) Trường hợp khoản phải thu hồi phát sinh do sai sót của Hệ thống mà nhà cung cấp và đối tượng thụ hưởng không có lỗi, số tiền thanh toán vượt mức hợp lệ được thu hồi từ bên đã trực tiếp nhận khoản thanh toán vượt mức đó.

4. Việc xác minh và quyết định thu hồi được thực hiện như sau:

a) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan xác minh căn cứ thu hồi, nguyên nhân, phạm vi, số tiền và chủ thể có trách nhiệm hoàn trả;

b) Nhà cung cấp và đối tượng thụ hưởng được thông báo bằng văn bản về nội dung dự kiến xử lý và có ít nhất 05 ngày làm việc để cung cấp thông tin, tài liệu, giải trình;

c) Căn cứ kết quả xác minh và giải trình, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành quyết định thu hồi trong phạm vi thẩm quyền; trường hợp vượt thẩm quyền, Sở chuyển hồ sơ và đề xuất cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định. Quyết định thu hồi phải xác định rõ căn cứ thu hồi; hành vi, sự kiện hoặc sai sót làm phát sinh khoản phải thu hồi; số tiền phải thu hồi; chủ thể có trách nhiệm hoàn trả; thời hạn, tài khoản nộp trả và biện pháp xử lý khi không thực hiện đầy đủ, đúng hạn.

5. Việc hoàn trả, thu hồi được thực hiện theo một hoặc kết hợp các phương thức sau đây:

a) Chủ thể có trách nhiệm hoàn trả nộp số tiền phải thu hồi vào ngân sách nhà nước trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi;

b) Khấu trừ vào khoản tiền khác được thanh toán trực tiếp cho chính chủ thể có nghĩa vụ hoàn trả. Việc khấu trừ phải được xác định trong quyết định thu hồi và không được làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đối tượng thụ hưởng, nhà cung cấp hoặc bên thứ ba không có trách nhiệm hoàn trả;

c) Phương thức khác theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

6. Kinh phí thu hồi được hạch toán giảm chi, nộp trả ngân sách hoặc xử lý theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan. Việc sử dụng lại kinh phí thu hồi để thực hiện chính sách hỗ trợ được thực hiện khi đáp ứng điều kiện và còn trong thời hạn bố trí, sử dụng kinh phí của đợt hỗ trợ.

7. Trường hợp không hoàn trả đầy đủ, đúng thời hạn:

a) Đối với đối tượng thụ hưởng: hủy phần phiếu hỗ trợ còn lại; chưa xem xét cấp phiếu hoặc hỗ trợ mới cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ; áp dụng tiền chậm nộp, tiền lãi hoặc biện pháp thu hồi khác nếu pháp luật có quy định;

b) Đối với nhà cung cấp: tạm ngừng áp dụng sản phẩm, dịch vụ đối với việc cấp phiếu mới và tạm ngừng xác lập giao dịch hỗ trợ mới cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ; khấu trừ khoản phải hoàn trả theo khoản 5 Điều này; áp dụng tiền chậm nộp, tiền lãi hoặc biện pháp thu hồi khác nếu pháp luật có quy định;

c) Chuyển thông tin, hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền nếu có dấu hiệu vi phạm hoặc cần áp dụng biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật.

8. Quy định tại Điều này được áp dụng tương ứng đối với các khoản hỗ trợ quy định tại Chương III, Chương IV, Chương V và Chương VI của Quyết định này. Đối với khoản hỗ trợ không thực hiện thông qua phiếu hỗ trợ, cơ quan, tổ chức, đơn vị được hỗ trợ hoặc chủ thể trực tiếp nhận khoản kinh phí được thanh toán không đúng, vượt mức đủ điều kiện hoặc có hành vi làm phát sinh khoản phải thu hồi có trách nhiệm hoàn trả kinh phí; Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện trách nhiệm xác minh, quyết định thu hồi. Trường hợp không hoàn trả đầy đủ, đúng thời hạn, chủ thể có nghĩa vụ hoàn trả chưa được xem xét hỗ trợ mới cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ và bị áp dụng biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật. Nội dung chi tiết đến việc hoàn trả, thu hồi được ban hành trong các quyết định hỗ trợ cụ thể. Các biện pháp liên quan đến hủy phiếu hỗ trợ, tạm ngừng áp dụng sản phẩm, dịch vụ hoặc tạm ngừng xác lập giao dịch hỗ trợ mới chỉ áp dụng đối với khoản hỗ trợ thực hiện thông qua phiếu hỗ trợ.

Chương III **HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI SỐ**

Điều 15. Phương thức hỗ trợ phát triển xã hội số

1. Việc hỗ trợ xây dựng học liệu số và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn về kỹ năng số quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 59/2026/NQ-HĐND được thực hiện trên cơ sở đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu. Kinh phí hỗ trợ được cấp cho đơn vị thực hiện; không cấp trực tiếp cho người tham gia học tập, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn hoặc được hướng dẫn kỹ năng số.

2. Việc hỗ trợ chi phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ phát triển xã hội số quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị quyết số 59/2026/NQ-HĐND được thực hiện thông qua phiếu hỗ trợ phát triển xã hội số. Đối tượng thụ hưởng lựa chọn sản phẩm, dịch vụ trong Danh mục hỗ trợ, xác lập giao dịch hỗ trợ và thực hiện phân trách nhiệm của mình theo Quyết định này.

Điều 16. Quy trình hỗ trợ xây dựng học liệu số, đào tạo kỹ năng số

1. Tổ chức, doanh nghiệp có chức năng, nhiệm vụ, năng lực, điều kiện tổ chức thực hiện gửi một bộ hồ sơ đến Sở Khoa học và Công nghệ để đề nghị hỗ trợ kinh phí thực hiện một hoặc các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 59/2026/NQ-HĐND bằng hình thức trực tuyến trên Nền tảng Công dân Thủ đô số iHanoi hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ gồm:

- a) Văn bản đề nghị theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Quyết định này;
- b) Bản thuyết minh về hoạt động dự kiến thực hiện;
- c) Bản thuyết minh về năng lực của cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị;

d) Dự toán kinh phí thực hiện, trong đó xác định phần kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

3. Trình tự, thủ tục quyết định hỗ trợ được thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 2 Điều 5 Quyết định này; trong đó, thời hạn thẩm định tối đa là 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành thẩm định, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành quyết định hỗ trợ theo Mẫu số 09 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này; trường hợp quyết định không hỗ trợ, phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ và nêu rõ lý do.

4. Kinh phí hỗ trợ được tạm ứng, thanh toán theo nội dung, phương thức, tiến độ được xác định tại quyết định hỗ trợ, quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

Điều 17. Hỗ trợ chi phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ phát triển xã hội số

1. Người dân trên địa bàn Thành phố quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị quyết số 59/2026/NQ-HĐND là người có địa chỉ thường trú, tạm trú hoặc nơi ở hiện nay tại Thành phố và được xác thực thông qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú, tài khoản định danh điện tử hoặc cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền được kết nối, chia sẻ với Hệ thống.

2. Mức hỗ trợ tối đa từ ngân sách nhà nước và nguồn xã hội hóa thực hiện theo khoản 3 Điều 8 Nghị quyết số 59/2026/NQ-HĐND. Mức hỗ trợ cụ thể do Sở Khoa học và Công nghệ xác định, công bố đối với từng sản phẩm, dịch vụ, nhóm đối tượng hoặc đợt hỗ trợ, căn cứ nhu cầu, nguồn lực và mục tiêu của chính sách.

3. Sản phẩm, dịch vụ được đưa vào Danh mục hỗ trợ phải thuộc phạm vi sản phẩm, dịch vụ phát triển xã hội số quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị quyết số 59/2026/NQ-HĐND và đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 Quyết định này.

4. Việc xem xét, đưa sản phẩm, dịch vụ phát triển xã hội số vào Danh mục hỗ trợ; công bố, cập nhật, tạm ngừng áp dụng, khôi phục trạng thái và đưa sản phẩm, dịch vụ ra khỏi Danh mục hỗ trợ được thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Quyết định này.

5. Việc đăng ký và cấp phiếu hỗ trợ xã hội số được thực hiện theo quy trình như sau:

a) Căn cứ dự toán kinh phí, mục tiêu và phạm vi hỗ trợ, Sở Khoa học và Công nghệ công bố trên Hệ thống kế hoạch của đợt hỗ trợ, trong đó xác định đối tượng, bao gồm nhóm đối tượng ưu tiên (nếu có), Danh mục hỗ trợ được áp dụng, mức hỗ trợ tối đa, mức trần hỗ trợ của phiếu, tổng kinh phí, thời hạn đăng ký, thời hạn sử dụng phiếu, thứ tự và tiêu chí ưu tiên, nếu có;

b) Người dân đăng nhập, xác thực trên Hệ thống; kiểm tra, xác nhận, bổ sung thông tin; lựa chọn sản phẩm, dịch vụ; cam kết sử dụng phiếu hỗ trợ đúng mục đích, không đề nghị hỗ trợ trùng lặp; và gửi đăng ký trên Hệ thống tích hợp tại nền tảng Công dân Thủ đô số iHanoi hoặc Cổng Dịch vụ công Quốc gia;

c) Hệ thống tự động kiểm tra các thông tin; tự động tạo lập phiếu hỗ trợ xã hội số để Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt đối với đăng ký đáp ứng đủ điều kiện trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hệ thống tiếp nhận đề nghị cấp phiếu;

d) Mỗi phiếu được cấp dưới dạng điện tử, có mã số định danh duy nhất và ghi nhận tối thiểu thông tin về đối tượng thụ hưởng, sản phẩm, dịch vụ, nhà cung cấp, giá, hạn mức hỗ trợ, phân chi phí thuộc trách nhiệm của người được hỗ trợ, thời hạn và trạng thái của phiếu.

6. Việc sử dụng phiếu, xác nhận sử dụng sản phẩm, dịch vụ và thanh toán khoản hỗ trợ được thực hiện như sau:

a) Giao dịch hỗ trợ được xác lập bằng hợp đồng, đơn hàng hoặc hình thức điện tử hợp pháp khác trên Hệ thống;

b) Đối tượng thụ hưởng thanh toán phần chi phí thuộc trách nhiệm của mình bằng phương thức không dùng tiền mặt; tiếp nhận, sử dụng sản phẩm, dịch vụ và xác nhận sử dụng trên Hệ thống;

c) Khoản hỗ trợ được thanh toán khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

(1) Giao dịch hỗ trợ được xác lập hợp lệ, không bị hủy hoặc chấm dứt;

(2) Sản phẩm, dịch vụ đã được cung cấp và đối tượng thụ hưởng xác nhận sử dụng trên Hệ thống;

(3) Phần chi phí thuộc trách nhiệm của người được hỗ trợ đã được thanh toán và có hóa đơn điện tử;

d) Căn cứ dữ liệu giao dịch, hóa đơn điện tử, chứng từ thanh toán, xác nhận của đối tượng thụ hưởng và dữ liệu đối soát, Hệ thống xác định số tiền đủ điều kiện hỗ trợ, hỗ trợ lập đề nghị thanh toán. Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước được thanh toán trực tiếp cho nhà cung cấp, không thanh toán bằng tiền cho đối tượng hỗ trợ.

7. Khi có thông tin không thống nhất hoặc cảnh báo rủi ro, Hệ thống tạm dừng xử lý đối với phần phiếu hoặc giao dịch có liên quan và chuyển Sở Khoa học và Công nghệ xác minh. Căn cứ kết quả xác minh, Sở Khoa học và Công nghệ quyết định khôi phục hoặc hủy toàn bộ hoặc một phần phiếu; phần hạn mức chưa sử dụng được giải phóng vào kinh phí còn lại của đợt hỗ trợ. Việc quản lý dữ liệu, kiểm soát rủi ro, hoàn trả và thu hồi kinh phí thực hiện theo Điều 13 và Điều 14 Quyết định này.

Chương IV

HỖ TRỢ CHI PHÍ KHAI THÁC NGUỒN LỰC SỐ, SỬ DỤNG PHÒNG THÍ NGHIỆM, TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Điều 18. Điều kiện và hồ sơ đề nghị hỗ trợ

1. Doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị quyết số 59/2026/NQ-HĐND được xem xét hỗ trợ chi phí

khai thác nguồn lực số của Thành phố, chi phí sử dụng phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển để thực hiện hoạt động nghiên cứu, phát triển, làm chủ, thử nghiệm, thử nghiệm có kiểm soát, sản xuất thử hoặc hoàn thiện sản phẩm đối với công nghệ số ưu tiên. Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ công bố danh mục công nghệ số ưu tiên phù hợp với thực tiễn.

2. Đối tượng đề nghị hỗ trợ phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Được thành lập, đăng ký và đang hoạt động hợp pháp theo pháp luật Việt Nam;

b) Đề xuất khai thác nguồn lực số của Thành phố hoặc sử dụng phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển để nghiên cứu, phát triển, làm chủ, thử nghiệm, thử nghiệm có kiểm soát, sản xuất thử hoặc hoàn thiện sản phẩm đối với công nghệ số ưu tiên theo danh mục đã được công bố.

3. Đối tượng đề nghị hỗ trợ nộp một bộ hồ sơ trực tuyến tới Sở Khoa học và Công nghệ thông qua nền tảng Công dân Thủ đô số iHanoi hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này;

b) Thuyết minh về dự án, hoạt động nghiên cứu, phát triển, làm chủ, thử nghiệm, thử nghiệm có kiểm soát, sản xuất thử hoặc hoàn thiện sản phẩm đối với công nghệ số ưu tiên theo danh mục đã được công bố. Trường hợp dự án, hoạt động đã được cấp phép, đối tượng đề nghị cung cấp các tài liệu cấp phép có liên quan, không bắt buộc thuyết minh lại dự án, hoạt động;

c) Thuyết minh về phương án khai thác nguồn lực số hoặc sử dụng phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển;

d) Dự toán chi phí dự kiến và tài liệu minh chứng kèm theo (nếu có); trong đó xác định phần chi phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

Điều 19. Tiếp nhận, thẩm định và quyết định hỗ trợ

1. Trình tự, thủ tục quyết định hỗ trợ được thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 2 Điều 5 Quyết định này; trong đó, thời hạn thẩm định tối đa là 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành thẩm định, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành quyết định hỗ trợ theo Mẫu số 09 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này; trường hợp quyết định không hỗ trợ, phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ và nêu rõ lý do.

2. Quyết định hỗ trợ xác định:

a) Đối tượng được hỗ trợ và nội dung được hỗ trợ;

b) Sản phẩm đầu ra bắt buộc, nếu yêu cầu;

- c) Tổng chi phí dự kiến hỗ trợ, tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách nhà nước nhưng không vượt quá 50% theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị quyết số 59/2026/NQ-HĐND;
- d) Phương thức, tiến độ, điều kiện và hồ sơ thanh toán;
- đ) Nghĩa vụ cung cấp thông tin, dữ liệu, báo cáo;
- e) Nội dung được phép điều chỉnh;
- g) Trường hợp tạm dừng, chấm dứt, thu hồi, hoàn trả kinh phí;
- h) Nội dung cần thiết khác phù hợp với tính chất của đề xuất.

Điều 20. Chi phí được hỗ trợ và thanh toán khoản hỗ trợ

1. Chi phí được xem xét hỗ trợ bao gồm:

- a) Chi phí truy cập, khai thác, xử lý, lưu trữ, tính toán, truyền dẫn dữ liệu hoặc sử dụng nền tảng, hệ thống, hạ tầng số thuộc nguồn lực số của Thành phố;
- b) Chi phí thuê, sử dụng phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển; máy móc, thiết bị, công cụ, hệ thống và không gian thử nghiệm thuộc các cơ sở này;
- c) Chi phí đo lường, phân tích, kiểm định, thử nghiệm và hỗ trợ kỹ thuật được đơn vị cung cấp tính trong giá khai thác, sử dụng nguồn lực và gắn trực tiếp, không thể tách rời với nội dung quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản này;
- d) Chi phí vật tư tiêu hao được đơn vị cung cấp tính trong giá dịch vụ và sử dụng trực tiếp trong quá trình thử nghiệm tại phòng thí nghiệm hoặc trung tâm nghiên cứu và phát triển;
- đ) Chi phí trực tiếp, cần thiết khác cấu thành giá khai thác, sử dụng nguồn lực số, phòng thí nghiệm hoặc trung tâm nghiên cứu và phát triển.

2. Chi phí không thuộc phạm vi hỗ trợ theo Quyết định này:

- a) Chi phí mua sắm, xây dựng, sửa chữa, cải tạo hoặc nâng cấp cơ sở vật chất của đối tượng được hỗ trợ;
- b) Tiền lương, tiền công của nhân sự thuộc đối tượng được hỗ trợ; chi phí quản lý, văn phòng, đi lại và hoạt động thường xuyên;
- c) Chi phí tiếp thị, bán hàng, phân phối, sản xuất hàng hóa thương mại hoặc hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường;
- d) Chi phí vay vốn, tiền phạt, bồi thường, khoản thuế được khấu trừ hoặc hoàn lại;
- đ) Chi phí không có khả năng xác nhận, kiểm tra, đối soát hoặc không trực tiếp thuộc việc khai thác, sử dụng nguồn lực quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị quyết số 59/2026/NQ-HĐND;
- e) Chi phí phát sinh từ giao dịch không trung thực, giao dịch giả tạo.

3. Kinh phí hỗ trợ được tạm ứng, thanh toán theo nội dung, phương thức, tiến độ được xác định tại quyết định hỗ trợ, quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

Chương V

HỖ TRỢ XUẤT KHẨU SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SỐ

Điều 21. Điều kiện và hồ sơ đề nghị hỗ trợ

1. Doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học trong nước quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 59/2026/NQ-HĐND có trụ sở, chi nhánh hoặc địa điểm kinh doanh trên địa bàn Thành phố nộp một bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ trực tuyến tới Sở Khoa học và Công nghệ thông qua nền tảng Công dân Thủ đô số iHanoi hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ bao gồm:

- a) Đơn đề nghị theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này;
- b) Thuyết minh về sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; phương án xuất khẩu; nội dung đề nghị hỗ trợ; và tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 59/2026/NQ-HĐND;
- c) Dự toán chi phí dự kiến và tài liệu minh chứng kèm theo (nếu có); trong đó xác định phần chi phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

Điều 22. Tiếp nhận, thẩm định và quyết định hỗ trợ

1. Trình tự, thủ tục quyết định hỗ trợ được thực hiện tương tự theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 2 Điều 5 Quyết định này; trong đó, thời hạn thẩm định tối đa là 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành thẩm định, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành quyết định hỗ trợ theo Mẫu số 09 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này; trường hợp quyết định không hỗ trợ, phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ và nêu rõ lý do.

2. Quyết định hỗ trợ xác định các nội dung tương tự quy định tại khoản 2 Điều 19 Quyết định này. Trong đó, mức hỗ trợ tối đa không vượt quá 50% theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị quyết số 59/2026/NQ-HĐND.

Điều 23. Chi phí được hỗ trợ và thanh toán khoản hỗ trợ

1. Chi phí được xem xét hỗ trợ bao gồm:

- a) Chi phí khảo sát, thu thập thông tin, phân tích, đánh giá thị trường mục tiêu; thuê tư vấn hoàn thiện mô hình kinh doanh, chiến lược thương mại hóa, hồ sơ năng lực, hồ sơ sản phẩm, tài liệu kỹ thuật và tài liệu giới thiệu sản phẩm;
- b) Chi phí thuê tư vấn pháp lý, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, chứng nhận, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin, an ninh mạng và yêu cầu tuân thủ tại thị trường mục tiêu;
- c) Chi phí thuê dịch vụ kết nối khách hàng, đối tác, nhà đầu tư, kênh phân phối, sàn giao dịch hoặc chợ ứng dụng;

d) Chi phí tham gia hội chợ, triển lãm, diễn đàn công nghệ, chương trình xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư trong nước và nước ngoài, bao gồm phí tham gia; chi phí thuê, thiết kế, lắp đặt gian hàng; vận chuyển sản phẩm mẫu; phiên dịch; chi phí đi lại, lưu trú của người trực tiếp tham gia trong phạm vi, số lượng và mức chi được xác định tại quyết định hỗ trợ;

đ) Chi phí truyền thông, quảng bá, tiếp thị sản phẩm, dịch vụ công nghệ số;

e) Chi phí trực tiếp, cần thiết khác thuộc nội dung hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị quyết số 59/2026/NQ-HĐND.

2. Chi phí không thuộc phạm vi hỗ trợ theo Quyết định này:

a) Chi phí sản xuất hàng hóa thương mại, mua hàng hóa để bán; mua sắm tài sản cố định, máy móc, thiết bị; xây dựng, sửa chữa hoặc cải tạo cơ sở vật chất;

b) Tiền lương, tiền công của nhân sự thuộc đối tượng được hỗ trợ; chi phí quản lý, hoạt động thường xuyên và chi phí nội bộ không có giao dịch độc lập;

c) Chiết khấu bán hàng, hoa hồng tính theo doanh thu; chi phí vay vốn; tiền phạt, tiền bồi thường; khoản thuế được khấu trừ hoặc hoàn lại;

d) Chi phí không có khả năng xác nhận, đối soát hoặc không chứng minh được mối liên hệ trực tiếp với nội dung được hỗ trợ;

đ) Chi phí phát sinh từ giao dịch không trung thực, giao dịch giả tạo;

e) Chi phí đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ hoặc được bên thứ ba tài trợ, hoàn trả toàn bộ.

3. Kinh phí hỗ trợ được tạm ứng, thanh toán theo nội dung, phương thức, tiến độ được xác định tại quyết định hỗ trợ, quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

Chương VI **HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN TÀI SẢN SỐ**

Điều 24. Hỗ trợ khai thác, sử dụng nguồn lực số của Thành phố

1. Tổ chức, doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ khai thác, sử dụng nguồn lực số của Thành phố theo khoản 1 hoặc điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 59/2026/NQ-HĐND nộp một bộ hồ sơ trực tuyến theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Quyết định này tới Sở Khoa học và Công nghệ thông qua nền tảng Công dân Thủ đô số iHanoi hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền, quyết định hỗ trợ, chi phí được hỗ trợ và thanh toán khoản hỗ trợ đối với tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định tại Điều 18, Điều 19, Điều 20 Quyết định này.

Điều 25. Hồ sơ, trình tự và thanh toán hỗ trợ lãi vay

1. Đối tượng thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 59/2026/NQ-HĐND nộp một bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ trực tuyến tới Sở Khoa học và Công nghệ thông qua nền tảng Công dân Thủ đô số iHanoi hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

- a) Đơn đề nghị theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này;
- b) Tài liệu minh chứng cho việc tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa, tổ chức phát hành tài sản mã hóa, tổ chức cung cấp nền tảng công nghệ, dịch vụ kỹ thuật và dịch vụ phụ trợ phục vụ hoạt động hợp pháp trong lĩnh vực tài sản mã hóa đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, chấp thuận, xác nhận đủ điều kiện hoặc cho phép thực hiện theo quy định của pháp luật; và việc đặt trụ sở chính, trung tâm điều hành, trung tâm công nghệ, trung tâm dữ liệu hoặc trung tâm nghiên cứu và phát triển trên địa bàn Thành phố;
- c) Hợp đồng vay trong trường hợp đã ký kết hợp đồng vay; hoặc thuyết minh về phương án dự kiến vay trong trường hợp chưa ký kết hợp đồng vay.

3. Trình tự, thủ tục quyết định hỗ trợ được thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 2 Điều 5 Quyết định này; trong đó, thời hạn thẩm định tối đa là 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành thẩm định, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành quyết định hỗ trợ theo Mẫu số 09 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này; trường hợp quyết định không hỗ trợ, phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ và nêu rõ lý do.

4. Tiền lãi đủ điều kiện hỗ trợ là tiền lãi phát sinh trên dư nợ thực tế của phần vốn vay theo hợp đồng vay đã ký kết và không hỗ trợ đối với:

- a) Lãi quá hạn, lãi chậm trả, lãi phạt, tiền phạt, phí và khoản phải trả khác không phải là lãi vay trong hạn;
- b) Tiền lãi phát sinh từ phần vốn vay sử dụng không đúng mục đích, không thuộc nội dung được hỗ trợ;
- c) Tiền lãi đã được tính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước hoặc nguồn tài chính nhà nước khác;
- d) Tiền lãi phát sinh ngoài thời gian hỗ trợ được xác định trong quyết định hỗ trợ;
- đ) Trường hợp khác được xác định trong quyết định hỗ trợ.

5. Quyết định hỗ trợ xác định các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Quyết định này. Sở Khoa học và Công nghệ quyết định mức hỗ trợ cụ thể theo điều kiện thực tế của hồ sơ nhưng không vượt quá mức tối đa được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 59/2026/NQ-HĐND.

Quyết định hỗ trợ không làm phát sinh quan hệ tín dụng giữa Thành phố với tổ chức cho vay; không được hiểu là việc Thành phố bảo lãnh, cam kết trả nợ hoặc chịu trách nhiệm thay cho tổ chức vay. Tổ chức vay tiếp tục chịu trách nhiệm đầy đủ đối với khoản vay theo hợp đồng cho vay và quy định của pháp luật. Việc tạm dừng hoặc chấm dứt hỗ trợ không làm thay đổi quyền, nghĩa vụ giữa tổ chức vay và tổ chức cho vay.

6. Kinh phí hỗ trợ được tạm ứng, thanh toán theo nội dung, phương thức, tiến độ được xác định tại quyết định hỗ trợ, quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

Chương VII

PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ, TRIỂN KHAI

Điều 26. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ theo Quyết định này.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

a) Chủ trì xây dựng hệ thống cấp phiếu hỗ trợ, hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu phục vụ thực hiện các chính sách theo Quyết định này và việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số, tiện ích số trên nền tảng Công dân Thủ đô số iHanoi cho người dân, doanh nghiệp theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị quyết số 59/2026/NQ-HĐND. Sở Khoa học và Công nghệ được chủ động sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên đã được giao trong dự toán để thuê tổ chức, đơn vị xây dựng, vận hành Hệ thống theo quy định của pháp luật. Trường hợp triển khai thử nghiệm theo quy định của pháp luật, việc thử nghiệm không làm ảnh hưởng đến khả năng sử dụng trên thực tế để tiếp nhận, giải quyết hồ sơ và thực hiện các chính sách đã được ban hành;

b) Chủ trì xây dựng, ban hành các hướng dẫn cho đối tượng hưởng chính sách trên cơ sở Quyết định này; quy trình đối soát, thanh toán, hoàn trả và các quy trình nghiệp vụ điện tử khác đối với công việc thuộc thẩm quyền theo Quyết định này để cấu hình, tổ chức thực hiện trên môi trường số. Căn cứ yêu cầu quản lý và điều kiện vận hành thực tế, Sở Khoa học và Công nghệ được điều chỉnh thao tác kỹ thuật trên Hệ thống; hình thức trình bày, cấu trúc kỹ thuật của biểu mẫu tương tác điện tử; phương thức trao đổi, kết nối, chia sẻ, đối soát dữ liệu và xử lý nghiệp vụ trên Hệ thống nhằm tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân, nhưng không làm thay đổi đối tượng, điều kiện, mức hỗ trợ, thẩm quyền, thời hạn và quyền, nghĩa vụ của các bên theo Quyết định này;

c) Quyết định biện pháp xử lý đối với khó khăn, vướng mắc và tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện thuộc phạm vi quản lý, thẩm quyền được giao, bảo đảm phù hợp với nguyên tắc, điều kiện, mức hỗ trợ, dự toán được cấp có thẩm quyền giao và quy định của pháp luật. Trường hợp nội dung phát sinh vượt thẩm quyền hoặc chưa được quy định, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định. Trường hợp cần áp dụng ngay biện pháp nghiệp vụ, kỹ thuật để bảo đảm Hệ thống hoạt động liên tục, an toàn hoặc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, Sở Khoa học và Công nghệ quyết định biện pháp xử lý tạm thời trong phạm vi thẩm quyền và báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày quyết định;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức giám sát, đối soát và hậu kiểm đối với các thủ tục thuộc thẩm quyền trên cơ sở dữ liệu;

đ) Hướng dẫn, giải đáp vướng mắc; tổng hợp, đánh giá kết quả và hiệu quả thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố; đề xuất sửa đổi, bổ sung khi cần thiết.

Điều 27. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan

1. Sở Tài chính

a) Tổng hợp dự toán, tham mưu bố trí kinh phí phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và quy định của pháp luật để thực hiện Quyết định này;

b) Hướng dẫn hoặc tham mưu xử lý theo thẩm quyền các nội dung về quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán ngân sách nhà nước theo Quyết định này.

2. Sở Công Thương

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong thực hiện cơ chế phiếu hỗ trợ thương mại điện tử, công bố danh mục sản phẩm, dịch vụ phát triển thương mại điện tử và hỗ trợ xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ công nghệ số theo quy định tại Quyết định này.

3. Các Sở, ban, ngành Thành phố và cơ quan, đơn vị có liên quan:

a) Cung cấp, xác nhận hoặc cho phép khai thác dữ liệu cần thiết để xác định điều kiện thực hiện chính sách theo quy định và quá trình kiểm tra, hậu kiểm theo quy định của pháp luật;

b) Tham gia ý kiến về nội dung chuyên ngành, phối hợp thẩm định, đối soát theo chức năng, nhiệm vụ.

4. Ủy ban nhân dân xã, phường:

a) Phối hợp tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ tổ chức, cá nhân trên địa bàn tiếp cận chính sách và thực hiện theo Quyết định này;

b) Xác nhận thông tin trên thực tế thuộc phạm vi quản lý trong trường hợp thông tin chưa có hoặc chưa thể khai thác từ cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước;

c) Tiếp nhận, chuyển phản ánh, kiến nghị và phối hợp xác minh.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Quyết định này được bảo đảm từ ngân sách Thành phố theo phân cấp ngân sách hiện hành, khả năng cân đối ngân sách hằng năm và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Điều khoản chuyển tiếp

1. Sở Khoa học và Công nghệ công bố thời điểm Hệ thống vận hành; trước thời điểm đó, việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ có thể được công bố thực hiện bằng hình thức khác phù hợp.

2. Sau khi Hệ thống vận hành, các hồ sơ được tiếp nhận và xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều này được công nhận tính pháp lý, ghi nhận lên Hệ thống và không yêu cầu thực hiện lại.

Điều 30. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 10 năm 2026.

2. Trong quá trình thực hiện Quyết định này, nếu có vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Khoa học và Công nghệ để hướng dẫn, nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố hướng dẫn hoặc sửa đổi, bổ sung.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Thành phố; Chủ tịch UBND xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như khoản 3 Điều 30;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Ban KHCMNT-HĐND Thành phố;
- VPUB: CVP, các PCVP, các phòng, đơn vị: ĐMPT, TH, TTTTDL&CNS;
- Lưu: VT, ĐMPT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Đại Thắng

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số 135/2026/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Mẫu số	Tên biểu mẫu
01	Đơn đăng ký đưa sản phẩm, dịch vụ vào Danh mục hỗ trợ
02	Tờ khai đăng ký cấp phiếu hỗ trợ
03	Đơn đề nghị hỗ trợ xây dựng học liệu số, đào tạo kỹ năng số
04	Đơn đề nghị hỗ trợ khai thác nguồn lực số, sử dụng phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển
05	Đơn đề nghị hỗ trợ xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ công nghệ số
06	Đơn đề nghị hỗ trợ lãi vay phát triển tài sản số
07	Quyết định đưa sản phẩm, dịch vụ vào Danh mục hỗ trợ
08	Phiếu hỗ trợ
09	Quyết định hỗ trợ

Mẫu số 01. Đơn đăng ký đưa sản phẩm, dịch vụ vào danh mục hỗ trợ**TÊN NHÀ CUNG CẤP**

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm***ĐƠN ĐĂNG KÝ****Đưa sản phẩm, dịch vụ vào danh mục hỗ trợ**

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội

I. THÔNG TIN NHÀ CUNG CẤP

Tên nhà cung cấp	
Mã định danh	Mã số doanh nghiệp/MST/mã đăng ký: Ngày cấp:
Địa chỉ trụ sở	
Website	
Người đại diện theo pháp luật	Họ tên: Chức vụ: Sinh ngày: Quốc tịch: Loại, số, ngày cấp, nơi cấp giấy tờ pháp lý của cá nhân:
Đầu mối hồ sơ	Họ tên: Điện thoại: Email:
Tài khoản nhận thanh toán	Số tài khoản: tại (được cập nhật trước lần thanh toán đầu tiên)
Quyền cung cấp hợp pháp	Chủ sở hữu/quyền phân phối/quyền thương mại hóa/quyền cung cấp:
Năng lực cung cấp	Nhân lực, hạ tầng, phạm vi triển khai, bảo hành, bảo trì và hỗ trợ kỹ thuật:

II. SẢN PHẨM, DỊCH VỤ ĐỀ NGHỊ ĐƯA VÀO DANH MỤC*(Lập lại Mục II đến Mục IV đối với từng sản phẩm, dịch vụ hoặc từng phiên bản có giá, phương thức cung cấp hay điều kiện áp dụng khác nhau.)*

Tên, phiên bản	
Nhóm chính sách	☐ Chuyển đổi số ☐ Thương mại điện tử ☐ Xã hội số
Mô tả, tính năng chính	
Đối tượng và mục đích sử dụng	
Phương thức cung cấp	☐ Bàn giao/chuyển quyền sử dụng ☐ Cài đặt/kích hoạt ☐ Cung cấp liên tục ☐ Theo phần/giai đoạn ☐ Khác:
Kết quả đầu ra	
Hình thức, nội dung xác nhận sử dụng sản phẩm, dịch vụ	
Tiêu chuẩn/chứng nhận	Tiêu chuẩn, chứng nhận, kết quả thử nghiệm hoặc đánh giá nếu có:

Sở hữu trí tuệ/quyền cung cấp	Tên chủ sở hữu; căn cứ quyền sở hữu, phân phối, thương mại hóa hoặc cung cấp:
Bảo hành, bảo trì, hỗ trợ	Thời hạn; phạm vi; đầu mối; mức dịch vụ hoặc thời gian phản hồi nếu có:
Khuyến mại, ưu đãi, quà tặng (nếu có)	

III. GIÁ, PHƯƠNG THỨC TÍNH GIÁ VÀ ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP

STT	Tên, phiên bản sản phẩm, dịch vụ	Đơn vị tính/ phương pháp tính giá	Giá đề nghị (đồng)	Thời hạn/điều kiện cung cấp
1				
2				
3				

IV. DỮ LIỆU, AN TOÀN VÀ KHẢ NĂNG CUNG CẤP

Xử lý dữ liệu cá nhân	☐ Không ☐ Có. Nếu có, nêu loại dữ liệu, mục đích, chủ thể xử lý và biện pháp bảo vệ:
An toàn thông tin và dữ liệu	Biện pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, an ninh dữ liệu và tuân thủ pháp luật có liên quan:
Trao đổi dữ liệu với Hệ thống	Phương thức cập nhật/cung cấp/chia sẻ dữ liệu: ☐ API ☐ Cập nhật trực tiếp trên Hệ thống ☐ Cả hai ☐ Phương thức khác được công bố:
Dữ liệu phục vụ xác nhận, đối soát	
Khả năng cung cấp	Phạm vi địa lý/số lượng tài khoản, đơn vị hoặc giao dịch có thể cung cấp; thời gian kích hoạt/triển khai:
Kinh nghiệm tương tự	Khách hàng, dự án, số lượng triển khai hoặc kết quả tương tự (nếu có):

TÀI LIỆU KÈM THEO

STT	Tài liệu	Tệp/mã dữ liệu
1	☐ Bản thuyết minh về sản phẩm, dịch vụ và tài liệu chứng minh đáp ứng khoản 2 Điều 4 Quyết định	
2	☐ Bản thuyết minh về nhà cung cấp và tài liệu chứng minh đáp ứng khoản 3 Điều 4 Quyết định	

Nhà cung cấp cam kết: (1) thông tin, dữ liệu và tài liệu kê khai là chính xác, trung thực, hợp pháp và còn hiệu lực; (2) có đầy đủ quyền, năng lực và điều kiện cung cấp; (3) giá đề nghị đáp ứng nguyên tắc tại Điều 4 Quyết định; (4) cung cấp đúng nội dung, chất lượng, tiến độ, thời hạn, điều kiện đã công bố; (5) lập hóa đơn điện tử và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế; (6) cập nhật, cung cấp hoặc chia sẻ dữ liệu phục vụ giao dịch, xác nhận, thanh toán, đối soát, kiểm tra và hậu kiểm theo nội dung và phương thức được công bố trong Danh mục hỗ trợ; (7) xác lập giao dịch hỗ trợ và nhận các khoản thanh toán trên Hệ thống; (8) bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân; (9) không

thông đồng, kê khai không, nâng giá, tạo giao dịch giả tạo hoặc thực hiện hành vi trục lợi; (10) không chuyển giao trái phép quyền, nghĩa vụ liên quan đến khoản hỗ trợ; (11) không yêu cầu đối tượng thụ hưởng thanh toán trước hoặc thanh toán thay phần chi phí dự kiến được thanh toán từ khoản hỗ trợ, trừ trường hợp Quyết định cho phép; (12) hoàn trả khoản hỗ trợ phải thu hồi và chịu trách nhiệm theo Quyết định và pháp luật có liên quan.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA NHÀ CUNG CẤP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 02. Tờ khai đăng ký cấp phiếu hỗ trợ**I. THÔNG TIN ĐỢT HỖ TRỢ VÀ ĐỐI TƯỢNG**

Loại phiếu	☐ Phiếu hỗ trợ chuyển đổi số ☐ Phiếu hỗ trợ thương mại điện tử ☐ Phiếu hỗ trợ xã hội số
Loại đối tượng	☐ Doanh nghiệp ☐ Hợp tác xã ☐ Hộ kinh doanh ☐ Cá nhân
Tên/Họ và tên	
Mã định danh	Mã số doanh nghiệp/MST/số định danh cá nhân:
Địa chỉ của tổ chức	Trụ sở/chỉ nhánh/địa điểm kinh doanh tại Hà Nội:
Địa chỉ của cá nhân	☐ Thường trú ☐ Tạm trú ☐ Nơi ở hiện nay tại Hà Nội:
Thông tin liên hệ	Điện thoại: Email:

II. NỘI DUNG ĐĂNG KÝ

STT	Sản phẩm, dịch vụ; mã danh mục	Nhà cung cấp	Gói/thời hạn sử dụng/số lượng	Giá giao dịch	Hạn mức hỗ trợ dự kiến
1				 đồng	 đồng
2				 đồng	 đồng
Mục đích sử dụng					
Địa điểm/tài khoản sử dụng					
Phản chi phí tự thanh toán			 đồng		

CAM KẾT

Tôi/chúng tôi xác nhận đáp ứng điều kiện áp dụng đối với loại phiếu và đợt hỗ trợ; chưa nhận và không đề nghị hỗ trợ trùng lặp cho cùng nội dung chi; sử dụng phiếu đúng đối tượng, mục đích và không chuyển nhượng; thanh toán đầy đủ phần chi phí thuộc trách nhiệm; xác nhận sử dụng sản phẩm, dịch vụ đúng thực tế; cung cấp thông tin, dữ liệu cần thiết; chịu trách nhiệm về nội dung kê khai và nộp trả kinh phí phải thu hồi theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Đối với phiếu hỗ trợ xã hội số, tôi cam kết không đăng ký trùng khoản chi đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ cho chính mình hoặc cho thành viên hộ gia đình theo điều kiện của đợt hỗ trợ.

Xác nhận của đối tượng đăng ký (ký số/xác nhận điện tử):

Hệ thống ghi nhận: Thời điểm gửi; Mã hồ sơ; Trạng thái

Mẫu số 03. Đơn đề nghị hỗ trợ xây dựng học liệu số, đào tạo kỹ năng số**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC**
.....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*Hà Nội, ngày tháng năm***ĐƠN ĐỀ NGHỊ**
Hỗ trợ xây dựng học liệu số, đào tạo kỹ năng số

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội

I. THÔNG TIN CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	
Loại hình/chức năng, nhiệm vụ	
Mã số/MST	 Địa chỉ:
Người đại diện theo pháp luật	Họ tên: Chức vụ: Sinh ngày: Quốc tịch: Loại, số, ngày cấp, nơi cấp giấy tờ pháp lý của cá nhân:
Đầu mối thực hiện	Họ tên: Điện thoại: Email:
Tài khoản nhận kinh phí	Số tài khoản: tại

II. HOẠT ĐỘNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

Loại hoạt động	☐ Xây dựng học liệu số ☐ Đào tạo ☐ Bồi dưỡng ☐ Tập huấn ☐ Hướng dẫn kỹ năng số
Tên hoạt động	
Sự cần thiết và mục tiêu	
Đối tượng, số lượng thụ hưởng	
Phạm vi, địa điểm/phương thức	☐ Trực tiếp ☐ Trực tuyến ☐ Kết hợp; phạm vi:
Nội dung chính	
Sản phẩm, kết quả đầu ra	Học liệu/chương trình/số lớp/số người hoàn thành/chỉ tiêu khác:
Thời gian và tiến độ	Từ ngày đến ngày; các mốc chính:

III. DỰ TOÁN KINH PHÍ

STT	Nội dung chi	Căn cứ xác định	Tổng chi phí	Đề nghị NSNN hỗ trợ	Nguồn khác
1			 đồng	 đồng	 đồng
2			 đồng	 đồng	 đồng
	TỔNG CỘNG		 đồng	 đồng	 đồng

TÀI LIỆU KÈM THEO

STT	Tài liệu	Tệp/mã dữ liệu
1	☐ Bản thuyết minh về hoạt động dự kiến thực hiện	
2	☐ Bản thuyết minh về năng lực của cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị	
3	☐ Dự toán kinh phí thực hiện, xác định phần đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước	

Cơ quan, tổ chức, đơn vị cam kết thông tin, tài liệu là chính xác, trung thực; có chức năng, nhiệm vụ, năng lực và điều kiện tổ chức thực hiện; sử dụng kinh phí đúng mục đích; không đề nghị hỗ trợ trùng lặp; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ báo cáo, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán và hoàn trả kinh phí phải thu hồi.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)

Mẫu số 04. Đơn đề nghị hỗ trợ khai thác nguồn lực số, sử dụng phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Hỗ trợ khai thác nguồn lực số, sử dụng phòng thí nghiệm,
trung tâm nghiên cứu và phát triển

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội

I. THÔNG TIN TỔ CHỨC

Chính sách đề nghị	☐ Khoản 1 Điều 9 Nghị quyết số 59/2026/NQ-HĐND ☐ Khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 59/2026/NQ-HĐND ☐ Điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 59/2026/NQ-HĐND
Tên tổ chức	
Loại hình	☐ Doanh nghiệp công nghệ số ☐ Khởi nghiệp sáng tạo ☐ Tổ chức KH&CN ☐ Viện/cơ sở GDDH ☐ Khác
Mã số đăng ký/MST	 Địa chỉ tại Hà Nội:
Người đại diện theo pháp luật	Họ tên: Chức vụ: Sinh ngày: Quốc tịch: Loại, số, ngày cấp, nơi cấp giấy tờ pháp lý của cá nhân:
Tài khoản nhận hỗ trợ	Số tài khoản: tại

II. DỰ ÁN, HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ DỰ KIẾN

Tên dự án/hoạt động	
Công nghệ số ưu tiên	
Nội dung	☐ Nghiên cứu/phát triển ☐ Làm chủ ☐ Thử nghiệm ☐ Sản xuất thử ☐ Hoàn thiện sản phẩm ☐ Khác
Mục tiêu	
Sản phẩm đầu ra	Tên, chỉ tiêu kỹ thuật, phương thức xác nhận:
Tiến độ	Từ ngày đến ngày; các giai đoạn:

III. PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC, SỬ DỤNG NGUỒN LỰC

STT	Nguồn lực/hạ tầng; đơn vị cung cấp dự kiến	Phạm vi, khối lượng, thời gian	Kết quả cần đạt	Chi phí dự kiến
1				 đồng
2				 đồng
Tổng chi phí dự kiến		 đồng		

STT	Nguồn lực/hạ tầng; đơn vị cung cấp dự kiến	Phạm vi, khối lượng, thời gian	Kết quả cần đạt	Chi phí dự kiến
Kinh phí đề nghị hỗ trợ		 đồng, tương ứng %		
Phần tổ chức tự bảo đảm		 đồng		

TÀI LIỆU KÈM THEO

STT	Tài liệu	Tệp/mã dữ liệu
1	☐ Thuyết minh dự án, hoạt động; tài liệu cấp phép có liên quan nếu đã được cấp phép	
2	☐ Thuyết minh phương án khai thác nguồn lực số hoặc sử dụng phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển	
3	☐ Dự toán chi phí dự kiến và tài liệu minh chứng kèm theo nếu có	

Tổ chức cam kết đáp ứng điều kiện hỗ trợ; thông tin, tài liệu là chính xác, trung thực; không đề nghị hỗ trợ trùng lặp; tự bảo đảm phần chi phí còn lại; sử dụng nguồn lực đúng phạm vi, mục đích; thực hiện nghĩa vụ báo cáo, kiểm tra, bảo vệ dữ liệu, sở hữu trí tuệ và hoàn trả kinh phí phải thu hồi.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)

Mẫu số 05. Đơn đề nghị hỗ trợ xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ công nghệ số
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Hỗ trợ xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ công nghệ số

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội

I. THÔNG TIN TỔ CHỨC VÀ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ

Tên tổ chức	
Loại hình	☐ Doanh nghiệp công nghệ số ☐ Khởi nghiệp sáng tạo ☐ Tổ chức KH&CN ☐ Viện/cơ sở GDĐH ☐ Khác
Mã số đăng ký/MST	 Địa chỉ tại Hà Nội:
Người đại diện theo pháp luật	Họ tên: Chức vụ: Sinh ngày: Quốc tịch: Loại, số, ngày cấp, nơi cấp giấy tờ pháp lý của cá nhân:
Trụ sở tại Hà Nội	
Đại diện/đầu mối	Họ tên, chức vụ, điện thoại, email:
Sản phẩm, dịch vụ	
Quyền thương mại hóa	
Tài khoản nhận hỗ trợ	Số tài khoản: tại

II. PHƯƠNG ÁN XUẤT KHẨU

Thị trường mục tiêu	
Mục tiêu	
Nội dung đề nghị hỗ trợ	
Thời gian thực hiện	Từ ngày đến ngày
Kết quả đầu ra	Sản phẩm/tài liệu/sự kiện/chứng nhận/kết quả thị trường và phương thức xác nhận:

III. HOẠT ĐỘNG VÀ DỰ TOÁN

STT	Nội dung	Đơn vị cung cấp dự kiến	Thời gian	Kết quả đầu ra	Chi phí
1					 đồng
2					 đồng

STT	Nội dung	Đơn vị cung cấp dự kiến	Thời gian	Kết quả đầu ra	Chi phí
Tổng chi phí dự kiến			 đồng		
Kinh phí đề nghị hỗ trợ			 đồng, tương ứng %		
Phần tổ chức tự bảo đảm			 đồng		
Hỗ trợ đã nhận/đang đề nghị			Tên chương trình, nội dung, số tiền, trạng thái; hoặc ghi Không có:		

TÀI LIỆU KÈM THEO

STT	Tài liệu	Tệp/mã dữ liệu
1	☐ Thuyết minh về sản phẩm, dịch vụ công nghệ số, phương án xuất khẩu, nội dung đề nghị hỗ trợ và tài liệu chứng minh điều kiện	
2	☐ Dự toán chi phí dự kiến và tài liệu minh chứng kèm theo nếu có	

Tổ chức cam kết đáp ứng điều kiện hỗ trợ; hồ sơ là chính xác, trung thực; có quyền thương mại hóa hợp pháp; không đề nghị hỗ trợ trùng lặp, không thông đồng, kê khai khống hoặc thực hiện giao dịch nhằm trục lợi; tự bảo đảm phần chi phí còn lại; thực hiện chế độ báo cáo, kiểm tra và hoàn trả kinh phí phải thu hồi.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)

Mẫu số 06. Đơn đề nghị hỗ trợ lãi vay phát triển tài sản số**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC**

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm***ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Hỗ trợ lãi vay phát triển tài sản số**

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội

I. THÔNG TIN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

Tên tổ chức	
Loại hoạt động	☐ Cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa ☐ Phát hành tài sản mã hóa ☐ ☐ Nền tảng công nghệ ☐ Dịch vụ kỹ thuật/phụ trợ
Mã số đăng ký/MST	 Địa chỉ:
Người đại diện theo pháp luật	Họ tên: Chức vụ: Sinh ngày: Quốc tịch: Loại, số, ngày cấp, nơi cấp giấy tờ pháp lý của cá nhân:
Tài khoản nhận hỗ trợ	Số tài khoản: tại

II. GIẤY PHÉP, CHẤP THUẬN VÀ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG

Loại văn bản	Số, ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Phạm vi hoạt động	Thời hạn/Trạng thái
Giấy phép/chấp thuận/xác nhận/cho phép				

III. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN VAY

Dự án/phương án	
Mục tiêu và nội dung	
Tổng vốn/cơ cấu nguồn	Tổng vốn: đồng; vốn vay: đồng; nguồn khác: đồng
Phần vốn vay đề nghị hỗ trợ	Số tiền: đồng; mục đích/nội dung sử dụng:
Thời gian thực hiện	Từ ngày đến ngày

IV. THÔNG TIN KHOẢN VAY HOẶC PHƯƠNG ÁN DỰ KIẾN VAY

Tình trạng khoản vay	☐ Đã ký hợp đồng vay ☐ Chưa ký hợp đồng vay, đề nghị trên cơ sở phương án dự kiến
Tổ chức cho vay/dự kiến cho vay	
Hợp đồng vay	Số: ngày:; số tiền: đồng; bỏ trống nếu chưa ký
Giải ngân/dự kiến giải ngân	Thời điểm:; tiến độ:
Thời hạn, lãi suất	 tháng; %/năm hoặc phương pháp xác định:
Thời gian đề nghị hỗ trợ	Từ ngày đến ngày

Kinh phí hỗ trợ dự kiến	Tổng số: đồng; theo năm/kỳ:
--------------------------------	---

V. KÊ KHAI HỖ TRỢ VÀ CAM KẾT

Hỗ trợ đã nhận/đang đề nghị	Tên chương trình, phần vốn/lãi, số tiền, trạng thái; hoặc ghi Không có:
Khoản phải hoàn trả	☐ Không có ☐ Đã hoàn thành ☐ Khác, nêu rõ:

TÀI LIỆU KÈM THEO

STT	Tài liệu	Tệp/mã dữ liệu
1	☐ Tài liệu minh chứng việc đáp ứng điều kiện hoạt động trong lĩnh vực tài sản mã hóa theo điểm b khoản 2 Điều 25 Quyết định	
2	☐ Hợp đồng vay nếu đã ký kết hoặc thuyết minh phương án dự kiến vay nếu chưa ký kết hợp đồng vay	

Tổ chức cam kết thông tin, tài liệu kê khai là chính xác, trung thực; đáp ứng và duy trì điều kiện hoạt động; sử dụng vốn vay đúng mục đích; không đề nghị hỗ trợ trùng lặp; cung cấp dữ liệu phục vụ thẩm định, thanh toán, kiểm tra, hậu kiểm; thông báo kịp thời thay đổi ảnh hưởng đến khoản hỗ trợ và hoàn trả kinh phí phải thu hồi.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)

Mẫu số 07. Quyết định đưa sản phẩm, dịch vụ vào Danh mục hỗ trợ**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Số:/.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm***QUYẾT ĐỊNH****Về việc đưa sản phẩm, dịch vụ vào Danh mục hỗ trợ****SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Quyết định số/2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ mã số của

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Đưa sản phẩm, dịch vụ sau đây vào Danh mục hỗ trợ:**

STT	Mã; tên, phiên bản	Nhóm chính sách	Nhà cung cấp	Đơn vị/chu kỳ; giá	Đối tượng, phạm vi
1					

Điều 2. Thông tin chi tiết về phương thức cung cấp, kết quả đầu ra, xác nhận, đối soát, mức hỗ trợ tối đa, dữ liệu phải cung cấp và các điều kiện áp dụng được công bố trên Hệ thống.

Điều 3. Nhà cung cấp chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của hồ sơ; chất lượng, giá, quyền cung cấp và việc thực hiện các nghĩa vụ theo Quyết định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 08. Phiếu hỗ trợ**PHIẾU HỖ TRỢ**

☐ Phiếu hỗ trợ chuyên đổi số ☐ Phiếu hỗ trợ thương mại điện tử ☐ Phiếu hỗ trợ xã hội số

Mã định danh phiếu	
Trạng thái	☐ Có hiệu lực ☐ Tạm dừng một phần/toàn bộ ☐ Hết hiệu lực ☐ Bị hủy
Đối tượng thụ hưởng	Tên/Họ tên:; mã định danh:
Ngày cấp/hiệu lực/hết hiệu lực	Ngày cấp:; hiệu lực:; hết hiệu lực:
Mức trần hỗ trợ của phiếu	 đồng
Tổng hạn mức hỗ trợ	 đồng
Đã thanh toán/Hạn mức còn lại	 đồng / đồng

SẢN PHẨM, DỊCH VỤ VÀ GIAO DỊCH

STT	Sản phẩm, dịch vụ; mã	Nhà cung cấp	Gói; đơn vị/chu kỳ; giá áp dụng	Mức hỗ trợ tối đa	Hạn mức	Đã TT/Còn lại
1				 %		 /
2				 %		 /

Phiếu hỗ trợ là dữ liệu điện tử được xác thực trên Hệ thống; không phải là tiền, phương tiện thanh toán hoặc giấy tờ có giá; chỉ được sử dụng và xử lý theo Quyết định và trạng thái còn hiệu lực trên Hệ thống.

Xác nhận của Sở Khoa học và Công nghệ	
Thời điểm Hệ thống ghi nhận	

Mẫu số 09. Quyết định hỗ trợ

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số:/..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hỗ trợ

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

Căn cứ Quyết định số/2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;
Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ mã số của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hỗ trợ cho tổ chức sau đây:

Tên tổ chức	
Mã số/MST; địa chỉ	
Chính sách hỗ trợ	☐ Học liệu/kỹ năng số ☐ Nguồn lực số/phòng thí nghiệm ☐ Xuất khẩu ☐ Tài sản số ☐ Lãi vay
Tên dự án/hoạt động/khoản vay	

Điều 2. Nội dung và mức hỗ trợ:

Nội dung, phạm vi, khối lượng	
Sản phẩm/kết quả đầu ra	
Thời gian, tiến độ; tổng chi phí	; tổng chi phí: đồng
Tỷ lệ, mức hỗ trợ; phân tự bảo đảm	 %; hỗ trợ tối đa đồng; phân tự bảo đảm đồng
Phương thức, tiến độ thanh toán	
Hồ sơ, điều kiện và nội dung khác	

Điều 3. Tổ chức được hỗ trợ có trách nhiệm sử dụng kinh phí đúng mục đích; thực hiện nội dung, tiến độ, sản phẩm đầu ra; cung cấp thông tin, dữ liệu, báo cáo; phối hợp kiểm tra, hậu kiểm và hoàn trả kinh phí phải thu hồi.

Điều 4. Nội dung được phép điều chỉnh; trường hợp tạm dừng, chấm dứt, không thanh toán và thu hồi kinh phí:

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các bên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành.

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)